

## **CÔNG BỐ THÔNG TIN**

Kính gửi:       - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
                  - Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: **TTN**

Trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Tuấn Anh    Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin: Định kỳ ☒ 24h

Điện thoại: (0274).2220399

**Nội dung thông tin công bố:** Biên bản họp và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày ...24.../4/2026 tại đường dẫn: <https://vntt.com.vn/dai-hoi-dong-co-dong/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Người thực hiện công bố thông tin**

Người đại diện theo pháp luật

Tổng Giám đốc



**PHẠM TUẤN ANH**

**BIÊN BẢN HỌP**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam, địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà Becamex Tower, Số 1 Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3700861497 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 04/08/2025.

Hôm nay, vào lúc **08 giờ 50 phút** ngày **23 tháng 04 năm 2026** tại Phòng VIP 1, Tầng trệt, Trung tâm Hội nghị và Triển lãm Bình Dương, B11, Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, diễn ra cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (sau đây được viết tắt là “**Đại hội**”) của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây được viết tắt là “**Công ty**”).

**PHẦN I: PHẦN KHAI MẠC**

**I. TUYÊN BỐ LÝ DO**

Thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty hiện hành, Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) của Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 để thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành phần tham dự:

- |                            |                                      |
|----------------------------|--------------------------------------|
| 1. Ông Lê Phan Minh Vũ     | Chủ tịch HĐQT                        |
| 2. Ông Phạm Tuấn Anh       | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| 3. Ông Nguyễn Bá Thước     | Thành viên HĐQT                      |
| 4. Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng | Thành viên HĐQT                      |
| 5. Bà Võ Thị Thanh Hương   | Thành viên HĐQT                      |
| 6. Bà Nguyễn Hải Hoàng     | Trưởng Ban kiểm soát                 |
| 7. Ông Nguyễn Minh Dương   | Thành viên Ban kiểm soát             |
| 8. Bà Nguyễn Thị Thanh Trà | Thành viên Ban kiểm soát             |

Và các cổ đông/người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự Đại hội.



## II. BÁO CÁO KIỂM TRA TƯ CÁCH CỔ ĐÔNG

Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thành viên Ban kiểm soát (“BKS”) - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội đến thời điểm **08 giờ 50 phút ngày 23/04/2026**, với kết quả sau:

- Tổng số cổ đông có quyền biểu quyết theo danh sách chốt ngày 24/03/2026 là **3.022** cổ đông, nắm giữ tổng cộng **36.727.500** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết.
- Tổng số cổ đông tham dự trực tiếp và người đại diện theo ủy quyền tham dự Đại hội là **192** cổ đông, nắm giữ **25.212.977** cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty, chiếm tỷ lệ **68,65%** tổng số phiếu biểu quyết.

Căn cứ khoản 1, Điều 145 Luật Doanh nghiệp hiện hành và Khoản 1, Điều 19 Điều lệ Công ty hiện hành quy định “*Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết*”. Như vậy, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam với thành phần tham dự như trên là hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành Đại hội.

## III. CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Đại hội đã tán thành thông qua nội dung Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 (*Chương trình được đính kèm theo tài liệu Đại hội*) bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết với tỷ lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

## IV. CHỦ TỌA ĐOÀN, BAN THƯ KÝ VÀ BAN KIỂM PHIẾU

### 1. Chủ tọa đoàn:

- |                           |                                      |
|---------------------------|--------------------------------------|
| - Ông Lê Phan Minh Vũ     | Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa              |
| - Ông Phạm Tuấn Anh       | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc |
| - Ông Nguyễn Bá Thước     | Thành viên HĐQT                      |
| - Ông Lê Nguyễn Bảo Trọng | Thành viên HĐQT                      |
| - Bà Võ Thị Thanh Hương   | Thành viên HĐQT                      |

### 2. Ban Thư ký:

- |                          |                      |
|--------------------------|----------------------|
| - Bà Trần Thị Thanh Ngân | Chuyên viên Pháp chế |
| - Bà Đoàn Thị Nam Phương | Chuyên viên Pháp chế |

### 3. Ban kiểm phiếu:

- |                        |  |
|------------------------|--|
| - Ông Nguyễn Văn Phúc  | Kế toán trưởng - Trưởng Ban kiểm TP. Quản lý tài chính |
| - Ông Nguyễn Xuân Vinh | Chuyên viên Kế toán - Thành viên                       |
| - Ông Hoàng Thanh Dũng | Phó Phòng Nghiên cứu và Phát triển - Thành viên        |





- Ông Đàm Đức Duy Trưởng nhóm lập trình Web - Thành viên

Đại hội đã tán thành thông qua thành phần Chủ tọa đoàn, Ban thư ký, Ban kiểm phiếu nêu trên bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết với tỷ lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

## V. QUY CHẾ TỔ CHỨC ĐẠI HỘI

Đại hội đã tán thành thông qua nội dung Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết với tỷ lệ là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành.

## PHẦN II: DIỄN BIẾN ĐẠI HỘI

### I. ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO VÀ TỜ TRÌNH

1. Ông **Phạm Tuấn Anh** – Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026.
2. Ông **Lê Phan Minh Vũ** – Chủ tịch HĐQT báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch hoạt động năm 2026.
3. Ông **Nguyễn Hải Hoàng** – Trưởng Ban Kiểm soát báo cáo về tình hình và kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2025.
4. Bà **Lê Thị Xuân Diệu** – Người phụ trách quản trị Công ty báo cáo về việc thay đổi mã ngành nghề kinh doanh; Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

(Nội dung các Báo cáo được nêu đầy đủ tại tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty).

### II. TRAO ĐỔI VÀ THẢO LUẬN

Các nội dung trao đổi và thảo luận được Ban thư ký ghi nhận tại Phụ lục đính kèm Biên bản này.

### III. BIỂU QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ TẠI ĐẠI HỘI

Ông **Lê Nguyễn Bảo Trọng** – Thành viên HĐQT báo cáo Đại hội nội dung các Tờ trình và xin ý kiến Đại hội biểu quyết thông qua các Tờ trình sau:

1. Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 (các Báo cáo được đính kèm theo tài liệu Đại hội).

#### Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.





- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
2. Thông qua Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026, với một số chỉ tiêu sau:

2.1 Kết quả kinh doanh năm 2025:

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025		% TH/ KH 2025	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	410,000	412,500	428,877	430,093	104.6%	104.3%
2	Tổng chi phí	330,000	332,500	338,321	339,320	102.5%	102.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	80,000	80,000	90,556	90,773	113.2%	113.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	64,000	64,000	72,410	72,589	113.1%	113.4%



## 2.2 Kế hoạch kinh doanh năm 2026:

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025		Kế hoạch 2026		% KH 2026/ TH 2025	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	428,877	430,093	550,000	551,000	128.2%	128.1%
2	Tổng chi phí	338,321	339,320	455,000	456,000	134.5%	134.4%
3	Lợi nhuận trước thuế	90,556	90,773	95,000	95,000	104.9%	104.7%
4	Lợi nhuận sau thuế	72,410	72,589	76,000	76,000	104.9%	104.7%

### Kết quả biểu quyết:

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
3. Thông qua Tờ trình số 03/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2025 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 như sau:

### 3.1 Phân phối lợi nhuận năm 2025:

*ĐVT: Triệu đồng*







8	Chia cổ tức	9%/VĐL	45,021
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1,912



- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong đó:

- Số phiếu tán thành: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
5. Thông qua Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc cập nhật và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:
- 5.1 Thông qua việc cập nhật mã, tên ngành, nghề kinh doanh của Công ty (Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025):

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất linh kiện điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng.	2619
2	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620
3	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)	2817
8	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313



9	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
10	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319
11	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512
12	Xây dựng nhà để ở	4101
13	Xây dựng nhà không để ở	4102
14	Xây dựng công trình đường bộ	4212
15	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện (không bao gồm Kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại).	4221
16	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
20	Phá dỡ	4311
21	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện	4321
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử.	4329
25	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
26	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa.	4610







	Chi tiết: Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh (không bao gồm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	
35	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
36	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: Xuất bản phần mềm (không bao gồm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	5829
37	Hoạt động xây dựng chương trình truyền hình, phát sóng truyền hình và phân phối video	6020
38	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh Chi tiết: Dịch vụ viễn thông	6110
39	Hoạt động viễn thông khác	6190
40	Lập trình máy tính khác	6219
41	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	6220
42	<b>Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác</b> Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống.	<b>6290</b> <b>(chính)</b>
43	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
44	Hoạt động thông tấn	6031
45	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác	6390
46	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.	6810





	Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Hoạt động quản lý, vận hành tòa nhà, chung cư; Kinh doanh bất động sản khác. <i>(Không bao gồm các hoạt động thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài).</i>	
47	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy.	7110
48	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49	Cho thuê xe có động cơ	7710
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730
51	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và những công trình khác	8129
54	Dịch vụ cảnh quan	8130
55	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
56	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	8559
57	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
58	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông	9510

5.2 Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120











- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Trong đó:**

- Số phiếu tán thành: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
  - Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
9. Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS của Ban kiểm soát về việc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2026 (theo nội dung Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS ngày 01/04/2026 của BKS được đính kèm theo tài liệu Đại hội).

**Kết quả biểu quyết:**

- Phương thức biểu quyết: biểu quyết trực tiếp tại Đại hội bằng hình thức giơ Phiếu biểu quyết.
- Số phiếu biểu quyết hợp lệ là: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu biểu quyết không hợp lệ là: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Trong đó:**

- Số phiếu tán thành: 25.644.271 phiếu, tương ứng với 25.644.271 cổ phần, đạt tỷ lệ 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không tán thành: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.
- Số phiếu không có ý kiến: 0 phiếu, tương ứng với 0 cổ phần, đạt tỷ lệ 0% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

### **PHẦN III. CÁC THỦ TỤC KẾT THÚC ĐẠI HỘI**

1. Bà **Trần Thị Thanh Ngân** – Đại diện Ban Thư ký đọc dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.



2. Ông **Lê Phan Minh Vũ** – Chủ tịch HĐQT - Chủ tọa xin ý kiến biểu quyết của Đại hội về việc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam trước khi bế mạc Đại hội.

Với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 đã được thông qua.

3. Biên bản này được thư ký Đại hội ghi đầy đủ trung thực các nội dung của Đại hội.
4. Ông **Lê Phan Minh Vũ** – Chủ tịch HĐQT thay mặt Chủ tọa đoàn phát biểu cảm ơn và tuyên bố bế mạc Đại hội.
5. Đại hội kết thúc vào lúc 12 giờ 00 phút cùng ngày. Biên bản này được lập được Chủ tọa và Thư ký cuộc họp ký tên dưới đây./.

**THƯ KÝ**



**TRẦN THỊ THANH NGÂN    ĐOÀN THỊ NAM PHƯƠNG**



**CHỦ TỌA**



**LÊ PHAN MINH VŨ**



**PHỤ LỤC**  
**THẢO LUẬN CÁC NỘI DUNG BÁO CÁO TẠI**  
**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026**

*(Đính kèm Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 ngày 23/04/2026)*

**Cổ đông 1:**

**Câu hỏi 1:** Trong kế hoạch 2026, vì sao tỷ lệ tăng trưởng lợi nhuận không tương xứng với tỷ lệ tăng trưởng doanh thu?

*Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trả lời:* Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty được xây dựng trên cơ sở tính khả thi. Nguyên nhân dẫn đến tỷ lệ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận chưa tương xứng chủ yếu đến từ cơ cấu biên lợi nhuận giữa các mảng. Theo đó, mảng thi công có biên lợi nhuận gộp thấp hơn so với mảng viễn thông.

*Ông Nguyễn Văn Phúc – Kế toán trưởng kiêm TP.QLTC trả lời:* Lợi nhuận gộp mảng thi công này chiếm khoảng 08-09% do đặc thù hợp đồng thi công có hạng mục vật tư, giá vật tư đầu vào cao và khó tăng giá bán.

**Câu hỏi 2:** Biên lợi nhuận gộp của các mảng kinh doanh là bao nhiêu?

*Ông Nguyễn Văn Phúc – Kế toán trưởng kiêm TP.QLTC trả lời:* Viễn thông: 46%; Datacenter: 24-25%, năm 2026 dự kiến đạt khoảng 16% do giá điện tăng theo chính sách của Bộ Công thương áp giá điện kinh doanh thay cho giá điện sản xuất của dịch vụ datacenter làm cho chi phí giá điện tăng gấp 1.5 lần, đặc thù dịch vụ datacenter có chi phí điện chiếm ¼ giá vốn. VNNT hiện đang cố gắng đàm phán với khách hàng để điều chỉnh giá bán ra nhưng khả năng không thể điều chỉnh tăng ngay được; Giải pháp thông minh: 1% do giai đoạn đầu chi phí chủ yếu là chi phí đầu tư về con người, năm 2026 dự kiến đạt khoảng 3% và kỳ vọng từ năm 2027 doanh thu mảng này tăng sẽ tăng nhiều khi các sản phẩm đã hoàn thiện.

**Cổ đông 2:**

**Câu hỏi 1:** Cơ cấu doanh thu các mảng trong 05 năm, 10 năm tới?

*Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trả lời:* trong ngắn hạn, VNNT vẫn tập trung vào phát triển dịch vụ vì có dòng tiền ổn định, viễn thông vẫn là chủ lực. Trung tâm dữ liệu sẽ tiếp tục phát triển, theo hướng thông minh và đầu tư theo giai đoạn, không đầu tư ồ ạt, tạo ra dòng tiền ngay để tái đầu tư. Giải pháp thông minh và ICT hiện đang chú trọng nghiên cứu phát triển, doanh thu các năm tới sẽ bùng nổ, thậm chí có khả năng vượt viễn thông. Mảng thi công sẽ chuyển sang dịch vụ vận hành, bảo trì, bảo dưỡng để tạo dòng tiền ổn định.





*Ông Lê Phan Minh Vũ – Chủ tịch HĐQT trả lời:* Về phía HĐQT và cổ đông lớn dự kiến sẽ nghiên cứu bổ sung thêm những ngành nghề và lĩnh vực phù hợp với thời đại hiện nay. Kế hoạch tăng vốn chỉ là giai đoạn đầu cho thời gian sắp tới, nhưng không dừng lại ở đó.

*Ông Nguyễn Bá Thuộc – Thành viên HĐQT trả lời:* Tốc độ tăng trưởng trong 02 năm vừa qua khá tốt, sắp tới VNTT có kế hoạch xây dựng Datacenter thông minh, từ đó khai thác, ứng dụng các thuật toán, các phần mềm, AI, điện toán đám mây,..., đáp ứng được nhu cầu của các nhà đầu tư.

Kế hoạch 05 năm tới, VNTT vẫn cần bám sát tốc độ phát triển của Becamex Group và VSIP. VNTT cần đẩy mạnh nội lực, đồng thời đẩy mạnh tính hợp tác với các nhà mạng lớn trong nước và quốc tế để phát triển, tăng trưởng nguồn lực (đặc biệt là nguồn nhân lực) để theo kịp tốc độ phát triển của Becamex và VSIP trên toàn quốc.

Kế hoạch 10 năm tới chưa thể xác định cụ thể được vì công nghệ hiện nay phát triển rất nhanh.

### **Cổ đông 3:**

**Câu hỏi 1:** VNTT có kế hoạch chuyển sàn HOSE không?

*Ông Lê Phan Minh Vũ – Chủ tịch HĐQT trả lời:* Khi nào có kế hoạch cụ thể, VNTT sẽ thông tin đến Quý Cổ đông để triển khai thực hiện.

**Câu hỏi 2:** Năm 2025 vừa qua, Quỹ VinaCapital đã đầu tư và trở thành cổ đông lớn của VNTT, đây là đầu tư chiến lược hay đầu tư tài chính?

*Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trả lời:* VinaCapital là quỹ đầu tư tài chính, mục đích là đầu tư tài chính theo kế hoạch kinh doanh vốn của họ.

### **Cổ đông 4:**

**Câu hỏi 1:** Về phương án tăng vốn của Công ty, hiện tỷ trọng lấp đầy Datacenter là 70-80%, khách hàng doanh nghiệp nhà nước rút đi bớt sau khi sáp nhập. Vậy tại sao Công ty cho rằng thời điểm hiện tại là phù hợp để phát hành tăng vốn đầu tư Datacenter? Tập khách hàng chú trọng phát triển sẽ thế nào?

*Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trả lời:* Việc xây dựng Datacenter mới giúp VNTT làm chủ tài sản (giảm chi phí thuê đất 12 tỷ/năm) và mở rộng quy mô mà hạ tầng cũ không đáp ứng được.

Xây dựng Datacenter vì VNTT chưa có tài sản, chi phí thuê đất để đặt Trung tâm dữ liệu hiện nay chiếm khoảng 12 tỷ/năm và Datacenter hiện tại không thể mở rộng thêm được. Dự án này rất an toàn với thời gian thu hồi vốn khoảng 07 năm và sẽ chuyển dịch tập khách hàng hiện hữu sang để có dòng tiền ngay.



Tập khách hàng hiện tại của VNTT rất đa dạng, không chỉ có khách hàng trong hệ sinh thái Becamex, còn có khách hàng doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, các tổ chức tài chính, các ngân hàng lớn, các cơ quan nhà nước và cả khách hàng nước ngoài.

**Câu hỏi 2:** Liên quan đến mức độ pha loãng của cổ phiếu, mức tăng trưởng trong ngắn hạn 2026-2028 có đủ để bù đắp mức độ pha loãng này không? VNTT có cam kết duy trì tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông không?

*Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trả lời:* Doanh thu kế hoạch được dựa trên cơ sở doanh thu tiềm năng, trong 02-03 năm tới, VNTT cố gắng duy trì cam kết cổ tức cho nhà đầu tư. Tuy nhiên thị trường kinh doanh luôn có rủi ro, hoạt động kinh doanh lúc nào cũng các yếu tố khách quan tác động (như xung đột Trung Đông). Tuy nhiên, VNTT luôn nỗ lực để đảm bảo tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông cao hơn lãi suất tiền gửi ngân hàng.

**Câu hỏi 3:** Ngoài hệ sinh thái Becamex, Công ty có đặt thêm KPI phát triển ra bên ngoài hệ sinh thái chưa? và kế hoạch thực hiện như thế nào trong năm 2026?

*Ông Phạm Tuấn Anh - Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc trả lời:* Chúng ta phải đặt câu hỏi "kinh doanh ra ngoài cho lĩnh vực nào?" Ví dụ viễn thông thì khó phát triển ra ngoài vì không cạnh tranh được với nhà mạng lớn khác và bản thân họ cũng đang cạnh tranh với nhau rất khốc liệt. Các lĩnh vực như Datacenter, Giải pháp thông minh, bán lẻ hiện nay đều đã được phát triển ra bên ngoài hệ sinh thái. Do đó KPI cam kết ra ngoài chủ yếu nằm ở kế hoạch, chiến lược thông minh để tối ưu hóa dòng tiền.





Số: 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2026

NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2026  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;
- Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“Công ty”);
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2026 số 01/2026/BB-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026 của Công ty,

QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-HĐQT của Hội đồng quản trị (“**HĐQT**”) về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025 (các Báo cáo được đính kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

**Điều 2.** Thông qua Tờ trình số 02/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026, với một số chỉ tiêu sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2025:

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025		% TH/ KH 2025	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	410,000	412,500	428,877	430,093	104.6%	104.3%
2	Tổng chi phí	330,000	332,500	338,321	339,320	102.5%	102.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	80,000	80,000	90,556	90,773	113.2%	113.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	64,000	64,000	72,410	72,589	113.1%	113.4%







2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026:

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		76,000
2	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		4,453
3	Quỹ đầu tư phát triển	30%/LNST	22,800
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		1,600
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	1,520
6	Quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	7,600
7	Vốn điều lệ		500,228
8	Chia cổ tức	9%/VĐL	45,021
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1,912

**Điều 4.** Thông qua Tờ trình số 04/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc thông qua việc chi trả thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 như sau:

1. Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2025:

Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2025 là **1.500.000.000 đồng**. HĐQT quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT.

2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2026:

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2026, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2026 là **1.600.000.000 đồng** và ủy quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT.

**Điều 5.** Thông qua Tờ trình số 05/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc cập nhật và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty như sau:

1. Thông qua việc cập nhật mã, tên ngành, nghề kinh doanh của Công ty (Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025):







18	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
20	Phá dỡ	4311
21	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện	4321
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử.	4329
25	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
26	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng (loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO và các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4610
28	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: Loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO	4649
29	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (không bao gồm hoạt động Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).	4651
30	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (không bao gồm hoạt động Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư	4652







38	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh Chi tiết: Dịch vụ viễn thông	6110
39	Hoạt động viễn thông khác	6190
40	Lập trình máy tính khác	6219
41	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	6220
42	<b>Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác</b> Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống.	<b>6290 (chính)</b>
43	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
44	Hoạt động thông tấn	6031
45	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác	6390
46	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Hoạt động quản lý, vận hành tòa nhà, chung cư; Kinh doanh bất động sản khác. <i>(Không bao gồm các hoạt động thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài).</i>	6810
47	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy.	7110
48	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49	Cho thuê xe có động cơ	7710
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730



00  
CỘ  
CỔ  
NG  
JY  
VIỆ  
HỒ



51	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và những công trình khác	8129
54	Dịch vụ cảnh quan	8130
55	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
56	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	8559
57	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
58	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông	9510

2. Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120

3. Giao HĐQT triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện thủ tục thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty (kể cả cập nhật mã ngành, nghề kinh doanh cần thiết) theo hướng dẫn của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh.

**Điều 6.** Thông qua Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (theo nội dung Tờ trình số 06/2026/TTr-HĐQT ngày 01/04/2026 của HĐQT được đính kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

**Điều 7.** Thông qua Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty (theo nội dung Tờ trình số 07/2026/TTr-HĐQT ngày 15/04/2026 của HĐQT được đính kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

**Điều 8.** Thông qua Tờ trình số 08/2026/TTr-HĐQT của HĐQT về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Đính kèm Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị).



**Điều 9.** Thông qua Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS của Ban Kiểm soát về việc thông qua danh sách công ty kiểm toán độc lập năm 2026 (theo nội dung Tờ trình số 01/2026/TTr-BKS ngày 01/04/2026 của Ban Kiểm soát được đính kèm theo tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026).

**Điều 10.** Đại hội đồng cổ đông thống nhất giao cho HĐQT chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được các cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty một cách triệt để và hiệu quả theo đúng Pháp luật, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

**Điều 11.** Nghị quyết này được lập, công bố và thống nhất thông qua trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty vào lúc 12 giờ 00 phút, ngày 23/04/2026./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**LÊ THÂN MINH VŨ**



**BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC  
VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2025  
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2026**

**I. KẾT QUẢ KINH DOANH NĂM 2025**

**1. Kết quả kinh doanh (đã kiểm toán)**

**- Kết quả kinh doanh hợp nhất:**

Stt	CHỈ TIÊU	HỢP NHẤT (triệu đồng; %)			
		Thực hiện năm 2025	% so TH năm 2024	KH2025 hợp nhất	%TH/KH 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	430,093	116.5%	412,500	104.3%
2	Tổng chi phí	339,320	115.8%	332,500	102.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	90,773	119.4%	80,000	113.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	72,589	118.9%	64,000	113.4%

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 430.1 tỷ đồng, bằng 116.5% so năm 2024 và thực hiện 104.3% kế hoạch.
- Tổng chi phí: 339.3 tỷ đồng, bằng 115.8% so năm 2024 và thực hiện 102.1% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 90.8 tỷ đồng, bằng 119.4% so năm 2024 và thực hiện 113.5% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 72.6 tỷ đồng, bằng 118.9% so năm 2024 và thực hiện 113.4% kế hoạch.

**- Kết quả kinh doanh Công ty mẹ:**

Stt	CHỈ TIÊU	CÔNG TY MẸ (triệu đồng; %)			
		Thực hiện năm 2025	% so TH năm 2024	Kế hoạch năm 2025	%TH/KH 2025
1	Tổng doanh thu và thu nhập khác	428,877	117.4%	410,000	104.6%
2	Tổng chi phí	338,321	116.8%	330,000	102.5%





3	Lợi nhuận trước thuế	90,556	119.9%	80,000	113.2%
4	Lợi nhuận sau thuế	72,410	119.9%	64,000	113.1%

- Tổng doanh thu và thu nhập khác: 428.9 tỷ đồng, bằng 117.4% so năm 2024 và thực hiện 104.6% kế hoạch.
- Tổng chi phí: 338.3 tỷ đồng, bằng 116.8% so năm 2024 và thực hiện 102.5% kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế: 90.6 tỷ đồng, bằng 119.9% so năm 2024 và thực hiện 113.2% kế hoạch.
- Lợi nhuận sau thuế: 72.4 tỷ đồng, bằng 119.9% so năm 2024 và thực hiện 113.1% kế hoạch.
- **Kết quả thực hiện kế hoạch doanh thu theo nhóm ngành năm 2025:**
  - ✓ Doanh thu dịch vụ viễn thông (“DVVT”): 228.8 tỷ đồng, bằng 114.7% so năm 2024, thực hiện 109.0% kế hoạch;
  - ✓ Doanh thu dịch vụ datacenter (“DVDC”): 48.5 tỷ đồng, bằng 98.9% so năm 2024, thực hiện 101.1% kế hoạch;
  - ✓ Thi công vận hành điện, điện tử, hạ tầng viễn thông, bán lẻ thiết bị: 93.7 tỷ đồng, bằng 109.5% so năm 2024, thực hiện 98.1% kế hoạch;
  - ✓ Doanh thu dịch vụ Giải pháp thông minh: 47.2 tỷ đồng, bằng 1,293.6% so năm 2024, thực hiện 118.0% kế hoạch.
- **Cơ cấu doanh thu theo nhóm ngành:** DVVT 53%; DVDC 11%; Thi công vận hành bảo trì, bán lẻ 22%; Giải pháp thông minh 11%; Doanh thu hoạt động tài chính và thu nhập khác 3%.
- **Chi phí năm 2025 như sau:** tổng chi phí cả năm là 338.3 tỷ đồng, bằng 116.8% so năm 2024, thực hiện 102.5% kế hoạch. **Cơ cấu chi phí năm 2025** bao gồm 86% là giá vốn, 13.9% là chi phí bán hàng và quản lý, chi phí khác phát sinh không đáng kể, không phát sinh chi phí lãi vay trong năm 2025.

## II. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN VÀ HỢP TÁC DỊCH VỤ VIỄN THÔNG

### 1. Tăng trưởng và quy mô năm 2025

- Số lượng khách hàng doanh nghiệp (“KHDN”): tăng trưởng 11.8%, tương đương tăng lũy tiến 206 khách hàng, nâng tổng số lượng KHDN đến cuối năm 2025 là 1,951 khách hàng.
- Số lượng khách hàng cá nhân (“KHCN”): tăng trưởng 16.3%, tương đương tăng lũy tiến 3,304 khách hàng, nâng tổng số lượng KHCN đến cuối năm 2025 là 23,603 khách hàng.
- Số lượng thuê bao: tăng trưởng 19.7%, tương đương tăng lũy tiến 5,918 thuê bao, nâng tổng số lượng thuê bao DVVT đến cuối năm 2025 là 35,909 thuê bao.

### 2. Hợp tác

- Hợp tác đa nhà mạng: Trong năm 2025, VNTT thực hiện ký kết Hợp đồng hợp tác theo mô hình đa nhà mạng với các đối tác Viettel, VNPT và FPT nhằm tăng tính linh hoạt



trong việc cung cấp dịch vụ, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Các bên cùng phối hợp đầu nối hạ tầng, tích hợp hệ thống, sẵn sàng cung cấp dịch vụ từ năm 2026.

- Hợp tác với NTTe-Asia (Nhật Bản) theo Hợp đồng BCC: tổng số lượng thuê bao toàn Dự án đến cuối năm 2025 đạt 13,120 thuê bao, gồm 5,861 thuê bao FTTH chuyển đổi ban đầu, 6,981 thuê bao FTTH phát triển mới và 278 thuê bao Cloudwifi.

### 3. Một số thành tựu khác

- Báo cáo trước Thủ Tướng, các Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ mô hình chuyển đổi số - chuyển đổi xanh tại Diễn đàn kinh tế số quốc gia lần thứ III.
- Digital Twin Platform VNNTT góp phần tạo dấu ấn cho TP.HCM tại Giải thưởng thành phố thông minh Việt Nam 2025.
- Mở rộng hợp tác quốc tế bằng việc bổ sung nguồn tín hiệu từ đối tác Hurricane Electric tại Hong Kong, góp phần tăng tính dự phòng và đảm bảo độ ổn định của tín hiệu quốc tế. Hiện nay, POP VNNTT tại Hồng Kông đang hoạt động với hai đối tác chính là Cogent và Hurricane Electric mang lại hiệu năng kết nối cao và đáp ứng tốt cho các dịch vụ xuyên biên giới. Với việc mở rộng và phát triển POP VNNTT tại Hồng Kông, VNNTT đang từng bước khẳng định vị thế và vươn tầm quốc tế trong lĩnh vực viễn thông.

## III. ĐẦU TƯ MUA SẮM XÂY DỰNG CƠ BẢN NĂM 2025

Tổng giá trị đầu tư năm 2025 (gồm đầu tư mua sắm tài sản và đầu tư xây dựng cơ bản) đạt 29.7 tỷ đồng. Trong đó:

- Đầu tư hệ thống server ảo hóa và server AI: 13.5 tỷ đồng, chiếm 45.5% tổng giá trị đầu tư năm 2025.
- Đầu tư lắp đặt cải tạo hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp (“KCN”)/khu dân cư: 10.7 tỷ đồng, chiếm 36.1%.
- Đầu tư trang bị hệ thống Firewall mới cho Datacenter: 2.1 tỷ, chiếm 7.1%.
- Đầu tư hệ thống giám sát mạng cáp quang chủ động: 1.0 tỷ đồng, chiếm 3.4%.

## IV. KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2026

### 1. Dự báo môi trường kinh doanh năm 2026

- Kinh tế toàn cầu: đang chịu sức ép từ nhiều biến động do bất ổn địa chính trị, biến động thương mại và sự đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu.
- Nền kinh tế Việt Nam: bước vào năm đầu của kế hoạch 5 năm giai đoạn 2026-2030, tăng trưởng GDP phấn đấu đạt từ 10% trở lên; các định chế tài chính quốc tế đều dự báo triển vọng tăng trưởng của Việt Nam trong năm 2026 là khá tích cực.
- Thành phố Hồ Chí Minh: nhiều cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố được sửa đổi, bổ sung theo hướng thông thoáng; các dự án, công trình lớn, trọng điểm được triển khai; phấn đấu GDP tăng trưởng 2 con số.

### 2. Định hướng và kế hoạch kinh doanh năm 2026

Ban điều hành VNNTT định hướng năm 2026 vẫn sẽ tập trung phát triển lĩnh vực hạ tầng thông minh và chuyển đổi số; tiếp tục mở rộng hạ tầng viễn thông, nâng cao chất lượng dịch vụ, phát triển tệp khách hàng doanh nghiệp tại các khu công nghiệp trọng



điểm; gia tăng năng lực tài chính; duy trì khả năng sinh lời. Kế hoạch hành động cụ thể như sau:

- Chủ trương phát hành cổ phần cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 367,275,000,000 đồng lên 500,228,550,000 đồng trong năm 2026-2027. Tiền thu được từ phát hành cổ phần dự kiến được sử dụng để xây dựng Trung tâm dữ liệu nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh.
- Đầu tư và tối ưu hạ tầng hiện hữu:
  - Nâng cấp hạ tầng kết nối quốc tế: trong năm 2026 sẽ triển khai nâng cấp dung lượng đường truyền quốc tế từ 10Gbps lên 20Gbps, kết nối từ POP Hong Kong về DC-VNNT nhằm gia tăng năng lực truyền tải dữ liệu quốc tế, đảm bảo độ ổn định và khả năng dự phòng của hệ thống, đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ ngày càng tăng của khách hàng doanh nghiệp. Tích hợp thêm các dịch vụ trên nền tảng hạ tầng cáp quang có sẵn để tăng doanh thu, giảm chi phí đầu tư.
  - Nghiên cứu mở rộng điểm POP quốc tế để án mở rộng POP VNNT tại Singapore nhằm tăng cường lưu lượng kết nối quốc tế, đa dạng hóa hướng kết nối, nâng cao khả năng dự phòng và tối ưu chất lượng dịch vụ. Việc mở rộng hạ tầng quốc tế là bước đi quan trọng trong chiến lược phát triển dài hạn, góp phần từng bước khẳng định vị thế của VNNT trên thị trường viễn thông trong nước và khu vực.
  - Đề xuất xây dựng Trung tâm dữ liệu mới công suất 10-30MW để đáp ứng nhu cầu thị trường, tối ưu kế hoạch tài chính, nâng cao vị thế VNNT trên thị trường chứng khoán.
  - Tiếp tục tối ưu hạ tầng viễn thông VNNT và phát triển thuê bao FTTH nhằm nâng cao hiệu quả khai thác hạ tầng hiện có, gia tăng biên lợi nhuận, chủ động trong công tác vận hành, xử lý sự cố và chăm sóc khách hàng.
  - Triển khai mô hình cung cấp dịch vụ đa nhà mạng thông qua hợp tác với VNPT, Viettel, FPT nhằm mục tiêu tăng tính linh hoạt trong việc cung cấp dịch vụ và độ ổn định của kết nối, nâng cao chất lượng dịch vụ.
- Tiếp tục số hóa quy trình nghiệp vụ, ứng dụng cao hàm lượng công nghệ thông tin tại các bộ phận phòng ban, tiêu biểu:
  - Triển khai hợp đồng điện tử trong cung cấp dịch vụ viễn thông, số hóa quy trình kinh doanh và chăm sóc khách hàng nhằm rút ngắn thời gian ký kết và triển khai dịch vụ, nâng cao tính minh bạch và hiệu quả quản lý, cải thiện trải nghiệm khách hàng;
  - Triển khai hệ thống quản lý dịch vụ hiện trường trong lĩnh vực thi công, bảo trì, xử lý sự cố tại hiện trường nhằm tối ưu hiệu suất đội ngũ nhân sự, đảm bảo tiến độ, chất lượng công trình, minh bạch thông tin, số hóa dữ liệu thành các báo cáo có giá trị phục vụ công tác vận hành và quản lý.
- Định hướng phát triển kinh doanh:
  - Chăm sóc khách hàng hiện hữu nhằm giữ chân khách hàng và gia tăng doanh thu tối đa từ khách hàng hiện hữu;
  - Tiếp cận các khách hàng nhóm FSI, các công ty trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các doanh nghiệp có định hướng ứng dụng công



nghe để giảm tiêu thụ năng lượng, phát triển xanh, bền vững, các doanh nghiệp có ngân sách lớn chỉ tiêu cho công nghệ, các khách hàng có nhu cầu khác mà VNTT có thể đáp ứng;

- Mở rộng thị trường tại các khu công nghiệp VSIP Quảng Trị, khu công nghiệp VSIP Cần Thơ nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng dịch vụ viễn thông của các nhà đầu tư và doanh nghiệp trong khu vực;
- Duy trì chính sách giá linh hoạt phù hợp nhằm gia tăng lợi thế cạnh tranh, giữ chân khách hàng trong lĩnh vực trung tâm dữ liệu;
- Kinh doanh các giải pháp thông minh tập trung vào các khu đô thị thông minh và mở rộng phân khúc khách hàng ra ngoài hệ sinh thái Becamex.
- Tăng cường các hoạt động marketing và truyền thông thương hiệu VNTT là doanh nghiệp cung cấp hạ tầng và giải pháp số toàn diện, từ hạ tầng dữ liệu, số hóa quy trình doanh nghiệp đến triển khai mô hình quản lý tập trung cho Thành phố Hồ Chí Minh, đặc khu Côn Đảo, Vân Đồn, khẳng định vị thế trong các dự án đô thị thông minh.

### 3. Kế hoạch tài chính năm 2026

STT	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026				
	(Triệu đồng)				
	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025	Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025
<b>1</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>549,800</b>	<b>128.7%</b>	<b>550,800</b>	<b>128.6%</b>
a	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	546,000	130.5%	546,800	130.5%
	<i>Trong đó, Dịch vụ viễn thông</i>	250,000	109.3%	250,000	109.3%
	<i>Thi công, vận hành, bảo trì, bán lẻ</i>	198,000	211.3%	198,000	211.3%
	<i>Dịch vụ Data Center</i>	48,000	98.9%	48,000	98.9%
	<i>Giải pháp thông minh</i>	50,000	105.9%	50,800	105.6%
b	Doanh thu hoạt động tài chính	3,800	43.3%	4,000	44.0%
<b>2</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>455,000</b>	<b>134.7%</b>	<b>456,000</b>	<b>134.6%</b>
a	Giá vốn hàng bán	403,500	138.7%	403,900	138.4%
b	Chi phí bán hàng	19,500	108.3%	19,600	108.7%
c	Chi phí quản lý	32,000	110.4%	32,500	112.5%



STT	KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH NĂM 2026				
	(Triệu đồng)				
	Chỉ tiêu	CÔNG TY MẸ		HỢP NHẤT	
		Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025	Kế hoạch 2026	KH2026 /TH2025
d	Chi phí tài chính	-	0.0%	-	0.0%
	<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	-		-	-
	<i>Hoàn nhập trích lỗ Công ty con VNTTS</i>	(50)	142.9%	-	-
3	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>94,800</b>	<b>106.3%</b>	<b>94,800</b>	<b>106.0%</b>
4	<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>200</b>	<b>14.7%</b>	<b>200</b>	<b>14.7%</b>
a	Thu nhập khác (Doanh thu khác)	200	10.8%	200	10.8%
b	Chi phí khác	-	0.0%	-	0.0%
5	<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>95,000</b>	<b>104.9%</b>	<b>95,000</b>	<b>104.7%</b>
6	Thuế thu nhập doanh nghiệp	19,000	104.7%	19,000	104.7%
7	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>76,000</b>	<b>105.0%</b>	<b>76,000</b>	<b>104.7%</b>

#### 4. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025		DỰ KIẾN PHÂN PHỐI NĂM 2025 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		KH PHÂN PHỐI NĂM 2026 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		% KH2026/TH2025
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		64,000		72,589		76,000	104.7%

STT	CHỈ TIÊU	KẾ HOẠCH 2025		DỰ KIẾN PHÂN PHỐI NĂM 2025 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		KH PHÂN PHỐI NĂM 2026 (Theo LNST của BCTC hợp nhất)		% KH2026/TH2025
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		4,208		4,208		4,453	105.8%
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	30% LNST	19,200	35% LNST	25,406	30% LNST	22,800	89.7%
4	Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT		1,300		1,500		1,600	106.7%
5	Khen thưởng Ban điều hành	2% LNST	1,280	2% LNST	1,452	2% LNST	1,520	104.7%
6	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10% LNST	6,400	10% LNST	7,259	10% LNST	7,600	104.7%
7	Vốn điều lệ		367,275		367,275		500,228	136.2%
8	Chia cổ tức	9% VDL	33,055	10% VDL	36,728	9% VDL	45,021	122.6%
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		6,973		4,453		1,912	42.9%

Trên đây là Báo cáo về Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch năm 2026.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM TUẤN ANH**



## BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025 VÀ KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NĂM 2026

Thực hiện quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị (“HDQT”) được quy định tại Luật Doanh nghiệp năm 2020, được sửa đổi bổ sung năm 2025 và Điều lệ hiện hành của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“VNTT” hoặc “Công ty”), HDQT Công ty VNTT xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông (“DHDCD”) kết quả hoạt động của HDQT trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HDQT năm 2026 như sau:

### I. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2025

#### 1. Tình hình thực hiện Nghị quyết của DHDCD thường niên năm 2025

- Hoàn tất việc đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính tại cơ quan đăng ký kinh doanh và thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- Thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông với tỷ lệ là 09%/cổ phiếu theo Nghị quyết số 04/2025/NQ-HDQT ngày 06/06/2025, bảo đảm chi trả được thực hiện đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.
- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty theo Nghị quyết số 06/2025/NQ-HDQT ngày 11/07/2025.
- Thực hiện việc chi trả thù lao cho HDQT, Ban Kiểm soát và Thư ký Công ty với tổng số tiền là 1.300.000.000 đồng, bảo đảm đúng theo kế hoạch đã được phê duyệt.
- Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị, tiền lương của Tổng giám đốc và người quản lý khác được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán, tại Mục VIII.2a của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính đã được công bố thông tin và đăng trên website của Công ty tại địa chỉ: <https://vntt.com.vn/bao-cai-tai-chinh/>

#### 2. Thành viên Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2022 – 2027 với 05 thành viên, trong đó gồm 04 thành viên không điều hành và 01 thành viên điều hành. Bảo đảm cơ cấu Hội đồng Quản trị có tính độc lập, đa dạng về kỹ năng, kinh nghiệm và giới tính, phù hợp với chiến lược và mức độ phức tạp của doanh nghiệp. Thông tin chi tiết về các thành viên Hội đồng quản trị như sau:











			<p>đồng thành viên của Công ty VNTTS đối với Bà Lê Thị Xuân Diệu kể từ ngày 20/06/2025;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bổ nhiệm Bà Lê Thị Xuân Diệu – Người phụ trách quản trị công ty kiêm Thư ký công ty của Công ty làm thành viên Hội đồng thành viên của Công ty VNTTS kể từ ngày 20/06/2025;</li> <li>- Bổ nhiệm Bà Trần Thị Thanh Ngân – Chuyên viên Pháp chế của Công ty làm Thư ký Hội đồng thành viên của Công ty VNTTS kể từ ngày 20/06/2025;</li> <li>- Thay đổi Người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp của Công ty tại Công ty VNTTS.</li> </ul>	
6	06/2025/NQ-HĐQT	11/07/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C làm đơn vị kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty VNTT trong năm 2025.</li> </ul>	100%
7	07/2025/NQ-HĐQT	21/07/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.</li> </ul>	100%
8	08/2025/NQ-HĐQT	11/08/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu của Công ty và thông qua việc sử dụng dấu dưới hình thức chữ ký số.</li> </ul>	100%
9	09/2025/NQ-HĐQT	31/10/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo Ước thực hiện kết quả kinh doanh năm 2025 và Kế hoạch kinh doanh năm 2026 của Công ty.</li> <li>- Thông qua việc thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện của Công ty tại Nghệ An.</li> <li>- Thông qua việc thay đổi người đứng đầu Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Hải Phòng.</li> </ul>	100%
10	10/2025/NQ-HĐQT	09/12/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc sắp xếp, cơ cấu lại các Phòng, Trung tâm chuyên môn và ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty.</li> <li>- Thông qua việc thành lập Địa điểm kinh doanh tại Phòng giao dịch VSIP 2.</li> </ul>	100%

14  
TY  
N  
HỆ  
TỔN  
M  
.MINH



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc thành lập Văn phòng đại diện tại Thành phố Hồ Chí Minh.</li> <li>- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban điều hành Công ty Cổ phần Công nghệ &amp; Truyền thông Việt Nam.</li> </ul>	
11	11/2025/NQ-HĐQT	23/12/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua việc chấm dứt hoạt động và chấm dứt hiệu lực mã số thuế của chi nhánh Trung tâm Dịch vụ Viễn thông – Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ &amp; Truyền thông Việt Nam.</li> <li>- Thông qua việc thành lập Địa điểm kinh doanh tại VNTT Data Center.</li> </ul>	100%
12	12/2025/NQ-HĐQT	31/12/2025	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức là người có liên quan.</li> </ul>	100%

#### 4. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc và Ban điều hành

HDQT thực hiện giám sát Ban Điều hành trên cơ sở phân định rõ chức năng quản lý và chức năng giám sát, phù hợp với Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ và quy định pháp luật có liên quan. Hoạt động giám sát được triển khai thông qua các hình thức sau:

- Thông qua phần mềm văn phòng điện tử Becawork, HDQT theo dõi, giám sát tình hình hoạt động của Công ty; kịp thời nắm bắt thông tin để đưa ra chỉ đạo, định hướng phù hợp và hỗ trợ Tổng Giám đốc, Ban Điều hành trong việc triển khai các Nghị quyết của ĐHĐCĐ và HDQT; đồng thời giám sát việc tuân thủ quy định nội bộ và pháp luật.
- HDQT theo dõi, đánh giá hiệu quả điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thông qua hệ thống báo cáo, tài liệu và các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu; tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động, thảo luận các vấn đề trọng yếu và ban hành nghị quyết triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Tổng Giám đốc đã điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và các quy chế nội bộ; đồng thời bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin, tạo điều kiện để Ban Kiểm soát thực hiện kiểm tra, giám sát.

Trên cơ sở kết quả giám sát, HDQT ghi nhận và đánh giá cao công tác điều hành của Tổng Giám đốc và Ban Điều hành trong năm 2025. Công ty đạt kết quả kinh doanh vượt kế hoạch đã được đề ra, với tổng doanh thu (thu nhập khác) hợp nhất đạt 430,1 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 72,6 tỷ đồng, lần lượt vượt 4,3% và 13,4% so với kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.









Trên đây là Báo cáo của Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của HĐQT trong năm 2025 và kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2026. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Trân trọng.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**



TP.HCM, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT  
VỀ TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2025  
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)**

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;*

*Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“VNTT” và/hoặc “Công ty”) hiện hành;*

*Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;*

Ban kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội về tình hình và kết quả hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2025 như sau:

**I. Hoạt động của Ban kiểm soát:**

- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT) nhiệm kỳ 2022-2027 gồm 3 thành viên:

- Ông Nguyễn Hải Hoàng – Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Minh Dương – Thành viên;
- Bà Nguyễn Thị Thanh Trà – Thành viên.

- Các cuộc họp trong năm 2025:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự	Tỷ lệ biểu quyết
1	Ông Nguyễn Hải Hoàng	04/04	100%	100%
2	Ông Nguyễn Minh Dương	04/04	100%	100%
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trà	04/04	100%	100%

- Trong năm 2025, Ban kiểm soát đã hợp triển khai các công việc chính như sau:

+ Thông qua dự thảo Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2024 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025.

+ Giám sát Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức cho cổ đông theo phương án được ĐHĐCĐ thông qua;

+ Đánh giá kết quả kinh doanh 6 tháng đầu năm 2025, tình hình tài chính, lưu chuyển tiền tệ công ty tại ngày 30/06/2025.

+ Kiểm tra, giám sát việc ban hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị theo đúng thẩm quyền quy định tại Điều lệ và pháp luật. Định kỳ kiểm tra các giao dịch phát sinh với bên liên quan, hoạt động công bố thông tin của Công ty đảm bảo tuân thủ quy định về công bố thông tin đối với công ty đại chúng.

- Thù lao của Ban kiểm soát năm 2024 được chi trả trong năm 2025 là 122.500.000 đồng, trong đó:

+ Trưởng ban: 54.500.000 đồng.

+ Các thành viên: 34.000.000 đồng/người.

## II. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

### 1. Về kết quả kinh doanh:

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2024	KH năm 2025	Thực hiện năm 2025	Tỷ lệ TH2025/KH2025	Tăng trưởng so với cùng kỳ
Tổng doanh thu	365	410	428,8	105%	+17%
Tổng chi phí	289	330	338,3	102%	+17%
Lợi nhuận trước thuế	76	80	90,5	113%	+20%
Lợi nhuận sau thuế	60	64	72,4	113%	+20%

Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2025 của VNTT

Kinh tế Việt Nam tăng trưởng 8,02% năm 2025 là điểm sáng trong bối cảnh thế giới đối mặt căng thẳng thuế quan và thương mại. Trong nước, Chính phủ điều hành lãi suất ổn định, đẩy mạnh đầu tư công, chuyển đổi số, tăng thu hút dòng vốn đầu tư thông qua thúc đẩy nâng hạng thị trường chứng khoán, gia hạn các chính sách thuế hỗ trợ hoạt động SXKD của doanh nghiệp và kích cầu tiêu dùng. Bên cạnh đó, các chính sách pháp luật về doanh nghiệp, đầu tư và quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp cũng được quan tâm sửa đổi tháo gỡ các khó khăn pháp lý và tăng sự chủ động của doanh nghiệp. Đặc biệt, chủ trương hợp nhất các địa phương triển khai đầu tháng 07/2025 sẽ mở ra nhiều dư địa phát triển trong trung và dài hạn trong đó có lĩnh vực hạ tầng viễn thông, công nghệ của VNTT.

Năm 2025, hoạt động kinh doanh của VNTT nhìn chung đạt nhiều kết quả khả quan. Mạng viễn thông dẫn dắt tăng trưởng toàn công ty trong năm vừa qua. Cụ thể, doanh thu



viễn thông năm 2025 đạt 229 tỷ đồng chiếm 54% trong cơ cấu doanh thu và tăng 15% so với năm 2024. Hiệu quả mảng này cũng tăng 20%, đóng góp lớn vào tăng trưởng lợi nhuận của công ty.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng lớn và hợp nhất các đơn vị hành chính năm qua, mảng dịch vụ Trung tâm dữ liệu (Data center) phần đầu đạt sự ổn định trong hoạt động với doanh thu 49 tỷ đồng giảm 1% so với năm 2024 và hiệu quả tương đương cùng kỳ. Mảng thi công, vận hành và bán lẻ thiết bị đóng góp 22% trong cơ cấu với doanh thu đạt 94 tỷ đồng, tăng 10% so với năm 2024. Với tính chất thi công, bán lẻ thiết bị nên đóng góp mảng này vào lợi nhuận toàn công ty không nhiều. Đặc biệt, năm 2025 cho thấy mảng giải pháp công nghệ mà VNTT theo đuổi các năm qua đóng góp doanh thu 47 tỷ đồng tăng 13 lần so với cùng kỳ, đóng góp 11% trong cơ cấu doanh thu với nhiều hợp đồng cung cấp giải pháp nhà máy thông minh và KCN thông minh được đánh giá cao.

Bên cạnh đẩy mạnh kinh doanh, VNTT cũng quan tâm công tác quản lý chi phí góp phần gia tăng hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp. Theo số liệu BCTC riêng kiểm toán, Tổng doanh thu năm 2025 đạt 428,8 tỷ đồng, hoàn thành 105% kế hoạch được giao và tăng 17% so với năm 2024. Lợi nhuận sau thuế năm 2025 đạt 72,4 tỷ đồng, hoàn thành 113% kế hoạch và tăng 20% so với cùng kỳ.

Hoạt động kinh doanh của VNTT phần lớn tập trung tại công ty mẹ vì vậy Kết quả kinh doanh hợp nhất không có nhiều thay đổi so với công ty mẹ VNTT. Theo BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2025, Tổng doanh thu hợp nhất VNTT đạt 430 tỷ đồng (hoàn thành 104% kế hoạch) và LNST hợp nhất đạt 72,6 tỷ đồng (hoàn thành 113% kế hoạch, tăng trưởng 19% so với năm 2024).

## **2. Về tình hình tài chính:**

STT	Chỉ tiêu công ty mẹ VNTT	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025
<b>1</b>	<b>Cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>			
1.1	Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	71%	74%
1.2	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	29%	26%
1.3	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu (VCSH)	Lần	0,21	0,25
1.4	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	Lần	0,17	0,20
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
2.1	Khả năng thanh toán hiện hành = Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	4,57	4,11
2.2	Khả năng thanh toán nhanh = (Tài sản ngắn hạn - HTK)/Nợ ngắn hạn	Lần	3,34	2,96
<b>3</b>	<b>Hệ số khả năng sinh lời</b>			.

STT	Chỉ tiêu công ty mẹ VNTT	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2025
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	13%	14%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	%	10%	11%

*Nguồn: BCTC riêng kiểm toán năm 2025 của VNTT*

- Cơ cấu tài sản của Công ty mẹ VNTT tại thời điểm 31/12/2025 tiếp tục duy trì theo hướng tập trung vào tài sản ngắn hạn, đảm bảo tính thanh khoản cao trong hoạt động. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn/tổng tài sản đạt 74% (so với đầu năm là 71%), trong khi tài sản dài hạn chiếm 26% (so với đầu năm là 29%). Sự dịch chuyển này cho thấy Công ty có xu hướng tăng cường phân bổ nguồn lực vào hoạt động sản xuất kinh doanh ngắn hạn, đồng thời chưa ghi nhận sự gia tăng đáng kể trong đầu tư tài sản dài hạn trong kỳ.

- Về cơ cấu nguồn vốn, các chỉ tiêu nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu và tổng nguồn vốn tại thời điểm cuối năm 2025 lần lượt là 0,25 lần và 0,20 lần, tăng nhẹ so với đầu năm (tương ứng 0,21 lần và 0,17 lần). Mặc dù có xu hướng tăng, các hệ số này vẫn ở mức thấp, cho thấy Công ty duy trì chính sách tài chính thận trọng, ít sử dụng đòn bẩy tài chính và mức độ độc lập tài chính cao, rủi ro tài chính ở mức thấp.

- Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty tại thời điểm cuối năm 2025 tiếp tục duy trì ở mức cao. Cụ thể, hệ số thanh toán hiện hành đạt 4,11 lần và hệ số thanh toán nhanh đạt 2,96 lần, giảm nhẹ so với đầu năm (lần lượt là 4,57 lần và 3,34 lần). Việc suy giảm này chủ yếu phản ánh việc Công ty đã sử dụng một phần nguồn vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ. Tuy nhiên, các hệ số vẫn cao hơn nhiều so với ngưỡng an toàn thông thường, cho thấy Công ty có khả năng đáp ứng tốt các nghĩa vụ nợ ngắn hạn, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu cần tiếp tục tối ưu hóa hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

- Về hiệu quả hoạt động, các chỉ tiêu sinh lời của Công ty trong năm 2025 có sự cải thiện so với năm 2024. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu (ROE) đạt 14% (so với 13% năm trước) và tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) đạt 11% (so với 10% năm trước). Kết quả này cho thấy Công ty đã nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và tài sản trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời duy trì được mức sinh lời tốt trong bối cảnh không sử dụng nhiều đòn bẩy tài chính.

- Tổng thể, tình hình tài chính của Công ty mẹ VNTT tại thời điểm 31/12/2025 được đánh giá là lành mạnh, an toàn và có xu hướng cải thiện về hiệu quả hoạt động. Tuy nhiên, Công ty cần xem xét cân đối lại cơ cấu tài sản theo hướng nâng cao hiệu quả đầu tư dài hạn, đồng thời nghiên cứu sử dụng hợp lý đòn bẩy tài chính và tối ưu hóa vốn lưu động nhằm nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng vốn trong thời gian tới.

### **III. Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị:**



Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp HĐQT và ban hành 12 Nghị quyết đúng theo thẩm quyền quy định thông qua các nội dung chính sau:

- Thông qua Kế hoạch tổ chức, nội dung và tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty và việc chi trả cổ tức năm 2024 cho cổ đông của Công ty bằng tiền mặt.
- Chấp thuận cho Công ty vay vốn ngắn, trung dài hạn, bảo lãnh, mở L/C và các hình thức cấp tín dụng khác tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương.
- Thông qua việc sắp xếp, cơ cấu lại các Phòng, Trung tâm chuyên môn và ban hành Sơ đồ tổ chức mới của Công ty.
- Ban hành Quy chế hoạt động của Ban điều hành Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.
- Thông qua chủ trương ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức là người có liên quan.

**Đánh giá:** Trong năm 2025, HĐQT đã duy trì các kỳ họp định kỳ nhằm giám sát chặt chẽ quá trình điều hành và công tác triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Tổng Giám đốc, để qua đó đưa ra các định hướng, chủ trương chiến lược kịp thời. Các Nghị quyết của HĐQT ban hành theo đúng thẩm quyền và quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty. Công ty đã thực hiện tốt và đảm bảo tuân thủ công bố thông tin theo đúng quy định đối với công ty đại chúng.

#### **IV. Kết quả giám sát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc:**

- Năm 2025 là năm đánh dấu những thay đổi lớn trong việc sáp nhập các tỉnh thành, tuy nhiên Ban Tổng Giám đốc Công ty đã rất nỗ lực và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao, đã thực hiện đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt vai trò điều hành trong năm 2025, tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025 theo đúng định hướng của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đề ra.

#### **V. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2025:**

Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty được lập theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C. Ban kiểm soát thống nhất số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Các báo cáo trên đã phản ánh trung thực về tình hình và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như tình hình tài chính của Công ty trong năm 2025.

#### **VI. Về giao dịch với các bên liên quan:**

Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐQT ngày 27/12/2024 với nội dung chấp thuận cho Tổng Giám đốc thực hiện ký kết các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các tổ chức là người có liên quan năm 2025 với giá trị mỗi hợp đồng, giao



dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản; các hợp đồng, giao dịch này không dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản.

Trong năm 2025, Công ty thường xuyên phát sinh các giao dịch với tổ chức có liên quan là Tập đoàn Becamex (cổ đông lớn sở hữu trên 10% cổ phần) về việc cung cấp dịch vụ, hàng hóa, thi công công trình với tổng giá trị giao dịch phát sinh lũy kế trong vòng 12 tháng có giá trị trên 35% tổng tài sản theo BCTC gần nhất thuộc trường hợp phải trình ra ĐHĐCĐ chấp thuận. Chi tiết các giao dịch này đã được công bố tại Báo cáo quản trị năm 2025 của VNTT.

**Đánh giá:** Căn cứ Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020 về “*Chấp thuận hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người có liên quan*” và Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP về “*Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này*”, Ban kiểm soát khuyến nghị HĐQT trình ĐHĐCĐ gần nhất thông qua các hợp đồng, giao dịch giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất để đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

#### **VII. Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc:**

- Trong năm 2025, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc đã phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý, giám sát, điều hành hoạt động của Công ty.

- Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các Phòng, Ban Công ty đã tích cực phối hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban kiểm soát trong việc thu thập thông tin tài liệu, hồ sơ khi thực hiện công tác kiểm tra, giám sát.

- Ban kiểm soát được mời tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị nhằm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Trên đây là nội dung báo cáo của Ban kiểm soát về tình hình hoạt động của Công ty CP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam trong năm 2025, kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và phê duyệt.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**

**Nguyễn Hải Hoàng**

Số: 01/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

*V/v Thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán,  
Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -**

**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

*Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;*

*Căn cứ vào Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C,*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các báo cáo sau:

1. Báo cáo tài chính năm 2025 đã kiểm toán.
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị năm 2025.
3. Báo cáo của Ban kiểm soát năm 2025.

*(Các báo cáo được đính kèm theo tài liệu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)*

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**





TỜ TRÌNH

V/v Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025  
và kế hoạch kinh doanh năm 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG –**  
**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2025 và kế hoạch kinh doanh năm 2026 với nội dung chính như sau:

1. Kết quả kinh doanh năm 2025

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025		% TH/ KH 2025	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	410,000	412,500	428,877	430,093	104.6%	104.3%
2	Tổng chi phí	330,000	332,500	338,321	339,320	102.5%	102.1%
3	Lợi nhuận trước thuế	80,000	80,000	90,556	90,773	113.2%	113.5%
4	Lợi nhuận sau thuế	64,000	64,000	72,410	72,589	113.1%	113.4%

2. Kế hoạch kinh doanh năm 2026

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025		Kế hoạch 2026		% KH 2026/ TH 2025	
		Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất	Riêng	Hợp nhất
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	428,877	430,093	550,000	551,000	128.2%	128.1%





2	Tổng chi phí	338,321	339,320	455,000	456,000	134.5%	134.4%
3	Lợi nhuận trước thuế	90,556	90,773	95,000	95,000	104.9%	104.7%
4	Lợi nhuận sau thuế	72,410	72,589	76,000	76,000	104.9%	104.7%

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**L. PHAN MINH VŨ**



Số: 03/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 4<sup>th</sup> tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v Thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025 và  
Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -**  
**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/04/2025 của Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam năm 2025;

Căn cứ kết quả kinh doanh năm tài chính 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2026,

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận năm 2025 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026 với các nội dung như sau:

**1. Phân phối lợi nhuận năm 2025**

DVT: Triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2025		Thực hiện 2025 (hợp nhất)	
		Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế năm nay		64,000		72,589
2	Lợi nhuận sau thuế năm trước chuyển sang		4,208		4,208
3	Trích quỹ đầu tư phát triển	30%/LNST	19,200	35%/LNST	25,406
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		1,300		1,500
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	1,280	2%/LNST	1,452
6	Trích quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	6,400	10%/LNST	7,259
7	Vốn điều lệ		367,275		367,275
8	Chia cổ tức	9%/VĐL	33,055	10%/VĐL	36,728
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		6,973		4,453



## 2. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2026

*ĐVT: Triệu đồng*

Stt	Chỉ tiêu	Tỷ lệ trích	Số tiền
1	Lợi nhuận sau thuế		76,000
2	Lợi nhuận năm trước chuyển sang		4,453
3	Quỹ đầu tư phát triển	30%/LNST	22,800
4	Thù lao HĐQT + BKS + Thư ký		1,600
5	Khen thưởng Ban điều hành	2%/LNST	1,520
6	Quỹ khen thưởng – phúc lợi	10%/LNST	7,600
7	Vốn điều lệ		500,228
8	Chia cổ tức	9%/VĐL	45,021
9	Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau		1,912

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**





Số: 04/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

*V/v Thông qua việc chi trả thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát,  
Thư ký Hội đồng quản trị năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG –**

**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

*Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-DHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam ngày 18/04/2025;*

*Căn cứ kết quả kinh doanh năm tài chính năm 2025 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2026,*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc chi trả thù lao cho Hội đồng quản trị (“HĐQT”), Ban kiểm soát, Thư ký HĐQT năm 2025 và kế hoạch chi trả thù lao năm 2026 như sau:

**1. Chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2025**

Thông qua mức chi trả thù lao cho thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty năm 2025 là **1.500.000.000 đồng**. HĐQT quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký Công ty.

**2. Kế hoạch chi trả thù lao HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2026**

Theo kế hoạch kinh doanh năm 2026, thù lao của HĐQT, Ban kiểm soát, Thư ký Công ty năm 2026 là **1.600.000.000 đồng** và ủy quyền cho HĐQT quyết định mức chi trả cụ thể cho từng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**



Số: 05/2026/TTr-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

## TỜ TRÌNH

V/v Cập nhật và bổ sung ngành, nghề kinh doanh của Công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG –**

**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 thông qua việc thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“Công ty”) như sau:

1. Thông qua việc cập nhật mã, tên ngành, nghề kinh doanh của Công ty (Theo Quyết định số 36/2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam ngày 29/9/2025):

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất linh kiện điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng.	2619
2	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620
3	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)	2817
8	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
9	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
10	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319









	<i>phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>(không bao gồm hoạt động Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4659
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4673
33	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định của pháp luật <i>(loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO và các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4690
34	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông Chi tiết: Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(không bao gồm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4740
35	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
36	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: Xuất bản phần mềm <i>(không bao gồm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	5829
37	Hoạt động xây dựng chương trình truyền hình, phát sóng truyền hình và phân phối video	6020
38	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh Chi tiết: Dịch vụ viễn thông	6110
39	Hoạt động viễn thông khác	6190
40	Lập trình máy tính khác	6219
41	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	6220



42	<b>Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác</b> Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống.	<b>6290 (chính)</b>
43	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
44	Hoạt động thông tấn	6031
45	Hoạt động công tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác	6390
46	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Hoạt động quản lý, vận hành tòa nhà, chung cư; Kinh doanh bất động sản khác. <i>(Không bao gồm các hoạt động thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài).</i>	6810
47	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy.	7110
48	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49	Cho thuê xe có động cơ	7710
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730
51	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và những công trình khác	8129
54	Dịch vụ cảnh quan	8130
55	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
56	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	8559
57	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
58	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông	9510

2. Thông qua việc bổ sung ngành, nghề kinh doanh sau:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120



3. Giao Hội đồng quản trị triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện thủ tục thay đổi ngành, nghề kinh doanh của Công ty (kể cả cập nhật mã ngành, nghề kinh doanh cần thiết) theo hướng dẫn của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Tài chính TP. Hồ Chí Minh.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**

C.T.C.P.  
\*





**TỜ TRÌNH**

*V/v Thông qua việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG –**

**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

*Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;*

*Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025,*

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**ĐHĐCĐ**”) thông qua việc ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người có liên quan (theo quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp năm 2020) như sau:

1. Thông qua các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm 2025 giữa Công ty với Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ) dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, cụ thể:

Stt	Nội dung hợp đồng, giao dịch	Số Hợp đồng	Thời gian ký kết	Giá trị (VND)
1	Giải pháp thông minh - Khu Công nghiệp và Đô thị thông minh Becamex (Giai đoạn 1:	11/11/2024/HĐVT/HĐ và PL03	07/11/2024 20/01/2025	46.904.371.369



	Phát triển nâng cấp hệ thống giám sát quản lý thông minh)			
2	Thi công hệ thống chiếu sáng phân kỳ (phân kỳ 1B & phân kỳ 2 ) Green City.	27A/10/2025/ HĐVT/HĐ	24/10/2025	18.172.594.637
3	Thi công hạ tầng viễn thông - Khu tái định cư Hòa Lợi thuộc khu liên hợp CN DV ĐT Bình Dương (Green city).	01A/12/2025/ HĐVT/HĐ	12/4/2025	18.806.013.000
4	Thi công hệ thống cấp điện (đường dây trung hạ áp và các TBA 1xIII 320KVA + 6xIII 400KVA và 12xIII 560KVA) - Cấp nguồn Green city.	07A/12/2025/ HĐVT/HĐ	12/10/2025	136.336.700.654
5	Thi công đường dây trung thế cấp nguồn Capitaland (Giai đoạn 2).	22A/12/2025/ HĐVT/HĐ	24/12/2025	9.035.621.858
6	Gia hạn phần mềm Vmware (smart 4 khu).	4/12/2025/ HĐVT/HĐ	30/12/2025	908.800.000

2. Thông qua các hợp đồng, giao dịch phát sinh trong năm 2026 giữa Công ty với Tập đoàn Đầu tư và Phát triển Công nghiệp Becamex – CTCP (cổ đông lớn, tổ chức có liên quan với người nội bộ) dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất, cụ thể:

Stt	Nội dung hợp đồng, giao dịch	Số Hợp đồng	Thời gian ký kết	Giá trị (VND)
1	Cung cấp, lắp đặt các hạng mục thuộc phần Cơ điện cho dự án Cải tạo Block 11 làm trung tâm bán dẫn.	05A/01/2026 /HĐVT/HĐ	12/1/2026	16.476.625.708
2	Kiểm tra, bảo trì, sửa chữa và thay thế vật tư, thiết bị cho Hệ thống hạ tầng cơ điện phát sinh tại Bệnh viện Quốc tế Becamex, tòa nhà Becamex Tower, Trường ĐH Quốc tế Miền Đông và chi phí kiểm tra bảo trì, duy tu, bảo dưỡng hệ thống chiếu sáng đường DT746.	Phụ lục 05- Hợp đồng 102/12/2024/H ĐVT/HĐ	Trong năm 2026	7.820.901.589





3	Thi công bổ sung các hạng mục phát sinh thêm tại văn phòng BECAMEX MPLAZA (Phát sinh Access Control thang hàng tầng 10 & 20, hệ thống màn hình LED và âm thanh tầng 10).	38A/07/2025/HĐVT/HĐ - PL02	Trong năm 2026	882.213.163
4	Cập nhật chi phí phát sinh xây dựng hệ thống công nghệ thông tin tầng 10 & tầng 20 và IOC (Mplaza) (Phát sinh tầng 17).	38A/07/2025/HĐVT/HĐ-PL03+PL04	Trong năm 2026	1.556.497.001
5	Thi công hệ thống đèn tín hiệu giao thông nút giao đường tạo lực 4 (Lý Thái Tổ) – đường JF1A (Bùi Thị Xuân).	-	Trong năm 2026	955.408.315
6	Thi công cải tạo Block 4-5 cho Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Phần cơ điện (Cải tạo Thư Viện và bổ sung Thang máy) bbg25120053.	-	Trong năm 2026	7.170.881.629
7	Cung cấp AI Server.	-	Trong năm 2026	1.536.940.891
8	Cung cấp phần mềm VMware.	-	Trong năm 2026	1.581.884.640
9	Cung cấp thiết bị lưu trữ SAN Storage.	-	Trong năm 2026	11.466.815.674
10	Quản lý NL KCN thông minh (Giai đoạn 2).	-	Dự kiến trong năm 2026	60.000.000.000
11	Kiểm tra, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng hệ thống hạ tầng cơ điện năm 2026.	-	Dự kiến trong năm 2026	47.000.000.000
12	Đường dây Trung thế và 06 Trạm biến áp 1600k VA cấp nguồn cho Chung cư cao tầng – Khu 5 Định Hòa.	-	Dự kiến trong năm 2026	16.000.000.000
13	Bảo trì Hệ thống Mạng, Server, CCTV Cho Khu Mỹ Phước, Bàu Bàng, Thới Hòa, Khu Liên Hợp	-	Dự kiến trong năm 2026	5.200.000.000







9	Chi nhánh Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH) - Viễn thông Thành phố Hồ Chí Minh, là đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH)	Tổ chức có liên quan với người nội bộ
10	Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex - Bình Phước	Tổ chức có liên quan với người nội bộ
11	Công ty cổ phần Vật tư Bưu điện (POTMASCO)	Tổ chức có liên quan với người nội bộ

4. Để kịp thời triển khai kế hoạch kinh doanh, Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ giao cho Hội đồng quản trị quyết định, chỉ đạo thực hiện: Thảo luận, đàm phán và xây dựng các điều khoản, điều kiện cụ thể của các hợp đồng, các giao dịch được nêu tại tờ trình này bao gồm việc ký kết, sửa đổi, bổ sung, triển khai, chấm dứt, thay thế các hợp đồng và các giao dịch đó, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, trên nguyên tắc đảm bảo lợi ích cao nhất của Công ty và các Cổ đông.

Hội đồng quản trị sẽ thực hiện báo cáo kết quả thực hiện các hợp đồng, giao dịch nêu trên tại kỳ họp ĐHĐCĐ gần nhất.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CHỦ TỊCH**



**TRẦN PHAN MINH VŨ**





Số: 07/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

V/v Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG -  
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng và các văn bản sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;

Căn cứ tình hình thực tế.

Hội đồng Quản Trị (“**HĐQT**”) Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông (“**DHĐCĐ**”) về việc thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

**I. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN THÊM CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHO CỔ ĐÔNG HIỆN HỮU**

- |                         |   |   |
|-------------------------|---|---|
| - Tên tổ chức phát hành | : | Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.          |
| - Tên cổ phiếu          | : | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam. |





- Mã chứng khoán : TTN
- Loại cổ phiếu phát hành : Cổ phiếu phổ thông.
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu.
- Vốn điều lệ Công ty trước thời điểm chào bán : 367.275.000.000 đồng, tương ứng 36.727.500 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán : 13.295.355 cổ phiếu, tương ứng bằng 36,2% số lượng cổ phiếu dự kiến lưu hành tại thời điểm chào bán.
- Tổng giá trị chào bán dự kiến theo mệnh giá : 132.953.550.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng*).
- Mục đích chào bán :
  - Nhằm nâng cao năng lực tài chính, đáp ứng nhu cầu mở rộng quy mô hoạt động và gia tăng tổng tài sản của Công ty;
  - Nhằm bổ sung vốn để đầu tư và/hoặc bù đắp thanh toán các khoản nợ vay để hình thành và mua sắm tài sản cố định nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh và tạo cơ sở để nâng cao hiệu quả kinh doanh.
- Hình thức chào bán : Chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu.
- Tỷ lệ thực hiện quyền : 1000:362 (*Tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông sở hữu 01 cổ phiếu được hưởng 01 quyền, cổ đông sở hữu 1000 quyền được mua 362 cổ phiếu mới*).
- Đối tượng chào bán : Là các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách cổ đông tại ngày đăng ký cuối cùng chốt Danh sách cổ đông để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (VSDC) cấp theo quy định (*Thời điểm chốt danh sách được ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT quyết định*).
- Giá chào bán : 10.000 đồng/cổ phiếu.

Nguyên tắc xác định giá chào bán:

- **Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2025 theo BCTC hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty:**

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

$$\text{Giá trị sổ sách} = \frac{505.610.275.408}{36.727.500} = 13.766,53 \text{ đồng}$$



- **Giá thị trường:** Trong khoảng thời gian từ ngày 05/02/2026 đến ngày 25/03/2026 trên Sàn giao dịch của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, cổ phiếu TTN có giá đóng cửa bình quân là 16.113 đồng/30 phiên giao dịch. (Số liệu tại website: <https://www.hnx.vn>)

Căn cứ vào Điều 126 Luật Doanh nghiệp: “Hội đồng quản trị quyết định thời điểm, phương thức và giá bán cổ phần. Giá bán cổ phần không được thấp hơn giá thị trường tại thời điểm bán hoặc giá trị được ghi trong sổ sách của cổ phần tại thời điểm gần nhất, trừ trường hợp sau đây:

1. Cổ phần bán lần đầu tiên cho những người không phải là cổ đông sáng lập;
2. Cổ phần bán cho tất cả cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần hiện có của họ ở công ty;

.....”

Để cảm ơn các cổ đông đã đồng hành cùng Công ty trong thời gian qua, Hội đồng Quản trị đề xuất giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là: **10.000 đồng/cổ phiếu.**

- Tổng số vốn huy động : 132.953.550.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm năm mươi ba triệu, năm trăm năm mươi nghìn đồng.)
- Thặng dư cổ phần dự kiến : 0 đồng.
- Vốn điều lệ Công ty sau thời điểm chào bán : 500.228.550.000 đồng, tương ứng 50.022.855 cổ phiếu.
- Thời gian thực hiện dự kiến : Dự kiến trong năm 2026 hoặc thời điểm khác theo quyết định của HĐQT và sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước có chấp thuận bằng văn bản.

ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT quyết định thời điểm chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, đảm bảo lợi ích của cổ đông và Công ty.

- Phương thức phân phối : Phân phối theo phương thức thực hiện quyền mua của cổ đông hiện hữu.
- Chuyển nhượng quyền mua : Cổ đông hiện hữu có tên theo Danh sách chốt tại Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu của mình cho bên khác trong thời gian quy định và chỉ được chuyển nhượng 01 (một) lần duy nhất. Bên nhận chuyển nhượng quyền mua từ cổ đông hiện hữu sẽ không được chuyển nhượng cho bên khác.

Các bên tự thỏa thuận giá trị chuyển nhượng, thanh toán và chịu trách nhiệm đối với các nghĩa vụ theo quy định có liên quan đến việc chuyển nhượng quyền mua.



- Nguyên tắc làm tròn và : Số lượng cổ phiếu phát hành ra công chúng cho cổ  
phương án xử lý số lượng  
cổ phiếu lẻ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ sẽ được làm tròn  
xuống đến hàng đơn vị. Số lượng cổ phiếu lẻ phát sinh  
(nếu có) sẽ được xử lý theo Phương án xử lý số cổ  
phiếu chưa phân phối hết sau đợt chào bán.
  
- Ví dụ: Tại ngày chốt danh sách cổ đông để thực hiện  
quyền nhận cổ phiếu phát hành ra công chúng cho cổ  
đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ, cổ đông A sở hữu  
1.019 cổ phiếu. Với tỷ lệ thực hiện 1000:362, cổ đông  
A sẽ được quyền mua  $1.019 \times 0,362 = 368,878$  cổ phiếu.  
Theo nguyên tắc làm tròn, cổ đông A được mua 368  
cổ phiếu. Phần cổ phiếu lẻ 0,878 sẽ được xử lý theo  
Phương án xử lý số cổ phiếu chưa phân phối hết sau  
đợt chào bán.*
  
- Phương án xử lý số cổ : Số lượng cổ phiếu còn lại chưa phân phối hết (bao gồm  
phiếu chưa phân phối hết số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua,  
sau đợt chào bán (nếu có) không nộp tiền mua, số lượng cổ phiếu phát sinh lẻ do  
làm tròn) sẽ được HĐQT quyết định huỷ bỏ hoặc chào  
bán cho các Nhà đầu tư khác với giá chào bán không  
thấp hơn mức giá chào bán cho cổ đông hiện hữu hoặc  
theo quyết định khác của HĐQT tùy từng tình hình  
thực tế.  
Trong trường hợp phân phối tiếp, ĐHĐCĐ ủy quyền  
cho HĐQT xác định tiêu chí, danh sách nhà đầu tư  
được mua cổ phiếu chưa phân phối hết. Việc cổ phiếu  
chưa bán hết phải đảm bảo tuân thủ theo đúng quy  
định tại Điều 42 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày  
31/12/2020 của Chính phủ và Điều 195 Luật Doanh  
nghiệp.  
Trong trường hợp hết thời hạn phân phối số lượng cổ  
phiếu này theo quy định của pháp luật mà vẫn chưa  
phân phối hết thì số lượng cổ phiếu này được huỷ bỏ  
và kết thúc đợt chào bán.
  
- Các hạn chế liên quan : Cổ phiếu chào bán thêm cho cổ đông hiện hữu không  
bị hạn chế chuyển nhượng.  
Cổ đông hiện hữu đang sở hữu cổ phiếu trong trạng  
thái hạn chế chuyển nhượng vẫn được hưởng quyền  
mua cổ phiếu chào bán thêm. Số lượng cổ phiếu mua  
thêm từ việc thực hiện quyền mua sẽ **không bị hạn  
chế** chuyển nhượng.  
Số lượng cổ phiếu do nhà đầu tư không đăng ký mua,  
không nộp tiền mua chào bán cho các Nhà đầu tư khác  
sẽ bị hạn chế chuyển nhượng **01 (một) năm** kể từ  
ngày kết thúc đợt chào bán.
  
- Phương án bảo đảm tỷ lệ : ĐHĐCĐ giao/ủy quyền cho HĐQT quyết định  
sở hữu nước ngoài phương án cụ thể để bảo đảm tỷ lệ sở hữu nước ngoài





- của Công ty theo quy định của pháp luật khi thực hiện đợt chào bán.
- Tỷ lệ chào bán thành công : Không áp dụng.  
tối thiểu
  - Phương án xử lý trong trường hợp không thu đủ số vốn theo phương án chào bán: ĐHĐCĐ ủy quyền HĐQT toàn quyền quyết định và tự cân đối lại nguồn vốn hoặc đưa ra phương án xử lý sao cho phù hợp để đưa ra phương án bù đắp phần thiếu hụt vốn dự kiến huy động từ đợt chào bán để không làm ảnh hưởng đến nguồn vốn cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

## II. ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ PHA LOÃNG CỦA CỔ PHIẾU DỰ KIẾN SAU ĐỢT CHÀO BÁN

Trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu này sẽ xuất hiện rủi ro pha loãng, bao gồm:

- (i) Pha loãng thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS)
- (ii) Pha loãng giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)
- (iii) Pha loãng tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết
- (iv) Pha loãng giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

### - Về pha loãng EPS và BVPS

Sự khác biệt về tốc độ tăng trưởng của lợi nhuận và vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ có ảnh hưởng đến chỉ số EPS cũng như BVPS của Công ty, cụ thể như sau:

#### a. Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phiếu (EPS):

$$\text{Công thức tính: EPS (cơ bản)} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế TNDN}}{\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân}}$$

$$\text{Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân} = (X \cdot 12 + Y \cdot t) / 12$$

Trong đó:

*X: Số lượng cổ phiếu lưu hành trước khi chào bán*

*Y: Số lượng cổ phiếu chào bán thêm*

*t: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của số lượng cổ phiếu chào bán thêm*

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, thu nhập cơ bản trên cổ phiếu (EPS) sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về vốn chủ sở hữu và tốc độ tăng trưởng lợi nhuận.

#### b. Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)

$$\text{Công thức tính: Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu (BVPS)} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Sau khi hoàn thành đợt chào bán, giá trị sổ sách của mỗi cổ phần sẽ bị thay đổi do có sự thay đổi về số lượng cổ phiếu lưu hành và tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu. Trong thời

gian ngắn ngay sau khi chào bán, nếu tốc độ tăng trưởng vốn chủ sở hữu thấp hơn tốc độ tăng của số lượng cổ phần sau đợt chào bán thì sẽ làm giảm giá trị sổ sách trên 01 cổ phiếu của Công ty.

- **Về tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết**

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông hiện hữu sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông hiện hữu từ chối quyền mua trong đợt chào bán này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu chào bán thêm).

- **Về giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu chào bán thêm**

Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu đối với chào bán cho cổ đông hiện hữu: Việc chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ khiến giá cổ phiếu bị điều chỉnh kỹ thuật do Sở Giao dịch Chứng khoán tính toán. Theo đó, công thức tính toán như sau:

$$P_{tc} = \frac{PR_{t-1} + (I \times P_r)}{1 + I}$$

Trong đó:

- +  $P_{tc}$ : Giá tham chiếu của cổ phiếu TTN trong ngày giao dịch không hưởng quyền mua cổ phiếu trong đợt chào bán thêm cổ phiếu.
- +  $PR_{t-1}$ : Giá chứng khoán phiên trước phiên giao dịch không hưởng quyền.
- +  $I$ : Tỷ lệ vốn tăng theo chào bán quyền mua cổ phiếu.
- +  $P_r$ : Giá cổ phiếu bán cho người có quyền mua cổ phiếu.

### III. THÔNG QUA PHƯƠNG ÁN SỬ DỤNG SỔ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Kế hoạch xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) nhằm mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh với chi phí đầu tư dự kiến cụ thể như sau:

STT	Phương án sử dụng tiền dự kiến	Giá trị đầu tư dự kiến (VNĐ)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Thanh toán Chi phí thiết kế và thi công xây dựng công trình	100.000.000.000	Trong năm 2026, năm 2027
2	Thanh toán Chi phí đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị và các hạng mục phụ trợ hình thành tài sản cố định khác	30.000.000.000	Trong năm 2026, năm 2027
3	Thanh toán Chi phí khác bao gồm cả chi phí thuê hạ tầng/quyền sử dụng đất	50.000.000.000	Trong năm 2026, năm 2027
	<b>Tổng cộng</b>	<b>180.000.000.000 (*)</b>	

Tổng số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến 132.953.550.000 đồng sẽ được sử dụng bao gồm nhưng không giới hạn để thanh toán chi phí thuê hạ tầng/quyền sử dụng đất; thanh toán chi phí thiết kế và thi công xây dựng công trình; thanh toán tiền đầu tư, mua sắm máy móc





thiết bị và các hạng mục phụ trợ hình thành tài sản cố định của Trung tâm Dữ liệu và các chi phí khác. ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT xây dựng phương án sử dụng vốn chi tiết từ đợt chào bán để phù hợp với thực tế triển khai; thứ tự ưu tiên và phân bổ số tiền sử dụng từ đợt chào bán.

Đồng thời, để đảm bảo thực hiện đúng tiến độ xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) ĐHĐCĐ giao, ủy quyền cho HĐQT sẽ chủ động huy động các nguồn vốn khác để thực hiện và sau khi thu được tiền từ đợt chào bán, HĐQT sẽ thanh toán các khoản huy động (bao gồm cả nợ vay tổ chức tín dụng/cá nhân/tổ chức) với mục đích xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center).

Bên cạnh đó, căn cứ vào kết quả chào bán thực tế và tình hình hoạt động kinh doanh, tiến độ xây dựng, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) để phân bổ lại số tiền thực tế thu được phù hợp với tình hình triển khai xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) của Công ty và đảm bảo lợi ích cổ đông.

*(\*) Số tiền thu được từ đợt chào bán dự kiến sử dụng để xây dựng Trung tâm Dữ liệu (Data Center) nhỏ hơn tổng giá trị đầu tư dự kiến, Công ty sẽ chủ động huy động và sử dụng từ nguồn vốn khác.*

#### **IV. THÔNG QUA VIỆC THỰC HIỆN THỦ TỤC TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ CÔNG TY VỀ NỘI DUNG VỐN ĐIỀU LỆ**

1. Thông qua việc giao và ủy quyền cho Người đại diện pháp luật của Công ty thực hiện thủ tục đăng ký tăng/thay đổi vốn điều lệ của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có) theo quy định của pháp luật.
2. Thông qua việc điều chỉnh tăng mức vốn điều lệ ghi trong Điều lệ Công ty tương ứng với kết quả chào bán thêm cổ phiếu và mức vốn điều lệ thực tế sau khi hoàn thành chào bán thêm cổ phiếu. Theo đó, sau khi hoàn thành chào bán thêm cổ phiếu và thủ tục tăng vốn điều lệ theo quy định của pháp luật, Người Đại diện theo Pháp luật/Chủ tịch HĐQT của Công ty được quyền ký ban hành bản Điều lệ mới với nội dung duy nhất được sửa đổi khác so với bản Điều lệ hiện hành là mức vốn điều lệ của Công ty.

#### **V. THÔNG QUA VIỆC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH VÀ LƯU KÝ BỔ SUNG**

Sau khi hoàn tất đợt chào bán, toàn bộ số cổ phiếu chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được đăng ký lưu ký bổ sung tại VSDC và đăng ký giao dịch bổ sung tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) theo đúng quy định của pháp luật.

#### **VI. THÔNG QUA GIAO VÀ ỦY QUYỀN CHO HĐQT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ SAU**

Ngoài các nội dung ủy quyền cho HĐQT được nêu tại phương án chào bán cổ phiếu chi tiết, ĐHĐCĐ giao và ủy quyền cho HĐQT Công ty quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến việc chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, cụ thể:

1. Quyết định việc sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh Phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng đã được ĐHĐCĐ thông qua theo yêu cầu của các cơ quan quản lý nhà nước và điều kiện thực tế của Công ty (nếu cần) nhằm triển khai phương án chào bán đạt hiệu quả cao nhất, phù hợp với thực tiễn kinh doanh của Công ty, các quy định pháp luật liên quan, điều lệ Công ty.







Số: 08/2026/TTr-HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2026

**TỜ TRÌNH**

*V/v sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và  
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG –**

**Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam**

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11/9/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về Quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP;

Căn cứ Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị hiện hành của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam;

Căn cứ yêu cầu thực tế trong quản trị và điều hành của Công ty,

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và các Quy chế nội bộ của Công ty gồm: Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị (Đính kèm các bản Thuyết minh sửa đổi, bổ sung).

2. Thông qua toàn văn bản Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị mới thay thế cho bản Điều lệ và các bản quy chế nội bộ tương ứng hiện hành.

Trân trọng kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

**Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương,  
Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh.**

**Điện thoại: 0274.2220222 – Hotline: 1800 9400**

**Website: <https://vnntt.com.vn/>**

**ĐIỀU LỆ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**

**CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

*(Sửa đổi theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2026  
của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026)*

**Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2026**





## MỤC LỤC

<b>MỤC LỤC .....</b>	<b>1</b>
<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>4</b>
<b>I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>4</b>
Điều 1. Giải thích thuật ngữ .....	4
<b>II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....</b>	<b>5</b>
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty .....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty .....	6
<b>III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY .....</b>	<b>6</b>
Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty .....	6
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty .....	7
<b>IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP .....</b>	<b>7</b>
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập .....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu .....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác .....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần .....	8
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp) .....	8
<b>V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....</b>	<b>9</b>
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
<b>VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....</b>	<b>9</b>
Điều 12. Quyền của cổ đông .....	9
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông .....	12
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	17
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	19
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	22
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	23

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	25
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .....	26
<b>VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....</b>	<b>26</b>
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	26
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị .....	28
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	29
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	30
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	31
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị .....	32
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị .....	34
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty .....	34
<b>VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>35</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	35
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	35
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	35
<b>IX. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>36</b>
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên) .....	36
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát.....	36
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát .....	37
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	38
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	38
<b>X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC .....</b>	<b>39</b>
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	39
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	40
<b>XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....</b>	<b>41</b>
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ .....	41
<b>XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN .....</b>	<b>41</b>
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	41
<b>XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN .....</b>	<b>42</b>
Điều 46. Phân phối lợi nhuận .....	42
<b>XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN.....</b>	<b>42</b>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng.....	42





Điều 48. Năm tài chính.....	43
Điều 49. Chế độ kế toán .....	43
<b>XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>43</b>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý .....	43
Điều 51. Báo cáo thường niên .....	43
<b>XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....</b>	<b>43</b>
Điều 52. Kiểm toán.....	43
<b>XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>44</b>
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	44
<b>XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY.....</b>	<b>44</b>
Điều 54. Giải thể công ty.....	44
Điều 55. Thanh lý .....	44
<b>XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ .....</b>	<b>45</b>
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	45
<b>XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....</b>	<b>45</b>
Điều 57. Điều lệ công ty.....	45
<b>XXI. NGÀY HIỆU LỰC .....</b>	<b>46</b>
Điều 58. Ngày hiệu lực.....	46





## PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây được gọi là “**Công ty**”) là cơ sở pháp lý cho hoạt động của Công ty được thành lập và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị nếu được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan sẽ là những nguyên tắc ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 04 năm 2026 (sau đây được gọi là “**Điều lệ**”).

### I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

#### Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
  - a. *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
  - b. *Vốn có quyền biểu quyết* là cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c. *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành, thay thế tại từng thời điểm;
  - d. *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành, thay thế tại từng thời điểm;
  - e. *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
  - f. *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
  - g. *Người điều hành doanh nghiệp* là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ Công ty;
  - h. *Ban điều hành* có nghĩa là Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và xác định là thành viên Ban điều hành Công ty;
  - i. *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Công ty;



- j. *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - k. *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần;
  - l. *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập công ty cổ phần;
  - m. *Cổ đông lớn* là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
  - n. *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
  - o. *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
  - p. *Cổ tức* là khoản lợi nhuận sau thuế được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền hoặc bằng tài sản khác;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
  3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

## **II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty**

1. Tên Công ty
  - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**
  - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIET NAM TECHNOLOGY & TELECOMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY**
  - Tên Công ty viết tắt: **VNTT**
2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
  - Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1, Đường Hùng Vương, Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.
  - Điện thoại: 0274. 2220222
  - Website: <https://vnnt.com.vn/>





4. Công ty có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 54 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô hạn kể từ ngày thành lập.

### **Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty**

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 13 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.
4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam. Trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

## **III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

### **Điều 4. Mục tiêu hoạt động, ngành nghề kinh doanh của Công ty**

1. Mục tiêu hoạt động của Công ty:
  - Sử dụng nguồn vốn, khả năng quản lý, lao động và uy tín của các sáng lập viên, của các cổ đông để tối đa hóa lợi nhuận cho Công ty nhằm gia tăng lợi tức cho các cổ đông và tích lũy tái đầu tư để phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.
  - Thông qua quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Công ty góp phần đem lại hiệu quả về kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm cho người lao động, phát triển địa phương, đóng góp tích cực cho ngân sách nhà nước.





2. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty được quy định cụ thể tại Phụ lục 1 đính kèm Điều lệ này. Phụ lục 1 này là một phần không tách rời của Điều lệ.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty có thể bổ sung hay cắt giảm tùy theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

#### **Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty**

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này, đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

### **IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP**

#### **Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập**

1. Vốn điều lệ của Công ty là **367.275.000.000 đồng** (*Ba trăm sáu mươi bảy tỷ hai trăm bảy mươi lăm triệu đồng*).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 36.727.500 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.



## **Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu**

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
  - a. Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
  - b. Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

## **Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác**

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

## **Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần**

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

## **Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)**

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.





2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

## **V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT**

### **Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát**

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông
2. Hội đồng quản trị
3. Ban kiểm soát
4. Tổng giám đốc.

## **VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 12. Quyền của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
  - a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;



- c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- e. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;
- j. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- k. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- l. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:
  - a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
  - c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần





của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

- d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
  - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.
4. Việc đề cử, ứng cử ứng viên đề bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại Khoản 3 Điều này phải tuân theo nguyên tắc sau:
- a. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thông báo bằng văn bản về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Số lượng ứng viên tối đa mà Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông nêu tại Khoản 3 Điều này có thể đề cử, ứng cử được thực hiện theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty;
  - c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản này chỉ được thực hiện quyền ứng cử hoặc đề cử ứng viên đề bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát một lần duy nhất trong suốt nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Tuy nhiên, để tránh mọi hiểu lầm, trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đã đề cử ứng viên được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát bị bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm đó vẫn được quyền tiếp tục ứng cử, đề cử ứng viên khác để bầu vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát để bổ sung cho vị trí bị khuyết này.



### **Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông**

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
  - a. Vi phạm pháp luật;
  - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
  - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
8. Cung cấp địa chỉ liên hệ, thư điện tử và số điện thoại chính xác khi đăng ký mua Cổ phần, và khi có yêu cầu của Công ty; Có trách nhiệm thông báo chính xác, kịp thời thông tin cá nhân, bao gồm cả địa chỉ liên hệ, thư điện tử và số điện thoại khi có sự thay đổi;
9. Có thái độ hợp tác tốt và ứng xử lịch sự, đúng chuẩn mực khi tham gia góp ý kiến xây dựng cho Công ty; và





10. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

#### **Điều 14. Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một (01) lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
  - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường:
  - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3



Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
  - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;
  - d. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.
  - e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp và quy định có liên quan của pháp luật về chứng khoán.
5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

#### **Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
  - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán, quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
  - c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
  - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
  - g. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
  - h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
  - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - j. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;





- k. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - l. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
  - m. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
  - c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị; Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của từng thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
  - e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
  - f. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
  - g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
  - i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
  - j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
  - k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
  - l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
  - m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
  - n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
  - o. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - p. Quyết định mua lại trên mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;



- q. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - r. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP, được sửa đổi bổ sung từng thời điểm;
  - s. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
  - t. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được chỉ định thì Cổ đông phải xác định cụ thể số Cổ phần và phiếu bầu của mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp Cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

Số lượng người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức được xác định như sau: Cổ đông là tổ chức sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa một (01) người đại diện; từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa hai (02) người đại diện; từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa ba (03) người đại diện; từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa bốn (04) người đại diện; từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa năm (05) người đại diện; từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa sáu (06) người đại diện; từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa bảy (07) người đại diện; từ 80% đến dưới 90% tổng số cổ phần phổ thông được ủy quyền tối đa tám (08) người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.





Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:
  - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
  - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
  - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

#### **Điều 17. Thay đổi các quyền**

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề





liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

**Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Ngoài các công việc phải thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán, Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
  - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
  - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
  - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
  - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
  - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
  - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
  - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
  - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;





- c. Phiếu biểu quyết;
  - d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
  - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm phần trăm (05%) cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
  - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết.
- 2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ ba mươi ba (33%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
- 3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.



## **Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
  - a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
  - b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
  - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
  - c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
  - d. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.





3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
  - a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
  - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
  - a. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
  - b. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba (03) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
  - b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
  - c. Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.



9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

**Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
  - a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
  - b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
  - c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
  - d. Quyết định thực hiện dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
  - e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
  - f. Vấn đề khác do Điều lệ Công ty quy định.
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử





Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát, nếu số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 của Điều lệ hoặc Khoản 8 Điều 22 của Điều lệ.

- Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:

- TY  
ÂN  
NH  
CH  
HÀM

ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích lấy ý kiến;
  - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
  - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
  - b. Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
  - c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;





- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- 6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- 7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
- 8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

- 1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
  - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và



không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
  4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

### **VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các





thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên, và từ tám mươi (80%) đến dưới chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.



4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

**Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành của công ty đại chúng phải đảm bảo quy định sau:
  - a. Có tối thiểu 01 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
  - b. Có tối thiểu 02 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
  - c. Có tối thiểu 03 thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
4. Đối với công ty niêm yết, tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định sau:
  - a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
  - b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
  - c. Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
7. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.





## **Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
  - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
  - d. Được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
  - e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
  - f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
  - g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
  - h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
  - i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
  - j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
  - k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;



- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
  - m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
  - n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
  - o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
  - p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
  - q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty và các quy chế khác của Công ty;
  - r. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
  - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

**Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công





trộn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

#### **Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị thuộc các trường hợp được quy định tại khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.



### **Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, thời hạn này có thể ngắn hơn do người có thẩm quyền triệu tập quyết định trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp được Thư ký Công ty hoặc bộ phận được Chủ tịch Hội đồng quản trị giao thực hiện gửi đi và phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.





7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
13. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở các địa điểm khác nhau, với điều kiện là đảm bảo tất cả thành viên tham dự có thể nghe, phát biểu và trao đổi trực tiếp với nhau một cách đồng thời.



### **Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

### **Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty**

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
  - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
  - c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
  - d. Tham dự các cuộc họp;
  - e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
  - f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
  - g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
  - h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
  - i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;





- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

## **VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **Điều 34. Người điều hành Công ty**

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

### **Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc**

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.
2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;



- c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
  - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
  - e. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
  - f. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc. Ngoài ra Tổng giám đốc cũng có quyền bổ nhiệm các nhân sự khác trong Công ty theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
  - g. Tuyển dụng lao động, ngoài ra Tổng giám đốc cũng có quyền bổ nhiệm các nhân sự khác trong Công ty theo quy định tại các quy chế nội bộ của Công ty;
  - h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
  - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

## **IX. BAN KIỂM SOÁT**

Công ty thành lập Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Nghị định 155/2020/NĐ-CP và theo quy định tại Điều 36 đến Điều 41 Điều lệ này.

### **Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)**

- 1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.
- 2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát**

- 1. Ban kiểm soát có từ ba (03) đến năm (05) Kiểm soát viên. Số lượng thành viên Ban kiểm soát cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
- 2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:
  - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;





- b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
- 3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận.
- 4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
  - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
  - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
  - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát**

- 1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- 2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
  - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
  - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
  - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

- 1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
- 2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.



3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

#### **Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát**

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

#### **Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát**

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.





2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

#### **X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.





6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.





## **XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY**

### **Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ**

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
  - a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

## **XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN**

### **Điều 45. Công nhân viên và công đoàn**

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực,



thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

### **XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN**

#### **Điều 46. Phân phối lợi nhuận**

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/dăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

### **XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

#### **Điều 47. Tài khoản ngân hàng**

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.





#### **Điều 48. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 của cùng năm đó.

#### **Điều 49. Chế độ kế toán**

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

### **XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN**

#### **Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý**

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

#### **Điều 51. Báo cáo thường niên**

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

### **XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY**

#### **Điều 52. Kiểm toán**

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của



Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

## **XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP**

### **Điều 53. Dấu của doanh nghiệp**

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY**

### **Điều 54. Giải thể công ty**

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
  - a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
  - c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

### **Điều 55. Thanh lý**

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên, trong đó hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một (01) công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt







- 

## TOTAL REORDER QUANTITY: 12000

1999

- 1999

1999

- 1999

1999

1999

- 1999

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

## **XXI. NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 58. Ngày hiệu lực**

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Mục, 58 Điều được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam nhất trí thông qua ngày 23 tháng 4 năm 2026 tại Thành phố Hồ Chí Minh và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ có thể được lập thành nhiều bản, có giá trị như nhau, trong đó có ít nhất một (01) bản chính được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Người Đại diện theo pháp luật.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM TUẤN ANH**





## PHỤ LỤC 1:

### DANH SÁCH CÁC NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Danh sách ngành, nghề kinh doanh của Công ty theo quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Điều lệ này như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất linh kiện điện tử khác. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng.	2619
2	Sản xuất máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính	2620
3	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
4	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
5	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
6	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
7	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi của máy tính)	2817
8	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện tử và quang học	3313
9	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện	3314
10	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị khác	3319
11	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo Chi tiết: Điện mặt trời	3512
12	Xây dựng nhà để ở	4101
13	Xây dựng nhà không để ở	4102
14	Xây dựng công trình đường bộ	4212
15	Xây dựng công trình điện Chi tiết: Xây dựng công trình điện (không bao gồm Kinh doanh các hàng hóa, dịch vụ thuộc danh mục hàng hóa, dịch vụ thực hiện	4221



	<i>độc quyền nhà nước trong lĩnh vực thương mại).</i>	
16	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
17	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
18	Xây dựng công trình công ích khác	4229
19	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
20	Phá dỡ	4311
21	Chuẩn bị mặt bằng	4312
22	Lắp đặt hệ thống điện Chi tiết: Lắp đặt hệ thống điện	4321
23	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
24	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử.	4329
25	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
26	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
27	Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa. Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng ( <i>loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO và các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối</i> ).	4610
28	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình. Chi tiết: <i>Loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO</i>	4649
29	Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm. Chi tiết: Bán buôn máy tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm ( <i>không bao gồm hoạt động Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu,</i>	4651





	<i>quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	
30	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông.  Chi tiết: Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông <i>(không bao gồm hoạt động Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4652
31	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác.  Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác <i>(không bao gồm hoạt động Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4659
32	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.  Chi tiết: Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa)	4673
33	Bán buôn tổng hợp  Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn các hàng hóa theo quy định của pháp luật <i>(loại trừ các hàng hóa không cam kết theo Biểu cam kết WTO và các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4690
34	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin và truyền thông  Chi tiết: Bán lẻ máy tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh <i>(không bao gồm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối).</i>	4740



35	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu	4759
36	Xuất bản phần mềm khác Chi tiết: Xuất bản phần mềm <i>(không bao gồm Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối đối với các hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối)</i> .	5829
37	Hoạt động xây dựng chương trình truyền hình, phát sóng truyền hình và phân phối video	6020
38	Hoạt động viễn thông có dây, không dây và vệ tinh Chi tiết: Dịch vụ viễn thông	6110
39	Hoạt động viễn thông khác	6190
40	Lập trình máy tính khác	6219
41	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính. Chi tiết: Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	6220
42	<b>Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác</b> Chi tiết: Dịch vụ công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống.	<b>6290 (chính)</b>
43	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan	6310
44	Hoạt động thông tấn	6031
45	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác	6390
46	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê. Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Hoạt động quản lý, vận hành tòa nhà, chung cư; Kinh doanh bất động sản khác.	6810





	(Không bao gồm các hoạt động thuộc ngành, nghề chưa được tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài).	
47	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy.	7110
48	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
49	Cho thuê xe có động cơ	7710
50	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển.	7730
51	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
52	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
53	Dịch vụ vệ sinh khác Chi tiết: Vệ sinh nhà cửa và những công trình khác	8129
54	Dịch vụ cảnh quan	8130
55	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng	8210
56	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin.	8559
57	Hoạt động hỗ trợ giáo dục khác	8569
58	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông	9510
59	Hoạt động bán lại dịch vụ viễn thông và dịch vụ trung gian cho hoạt động viễn thông	6120

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty có thể bổ sung hay cắt giảm tùy theo tình hình hoạt động thực tế của Công ty và do Đại hội đồng cổ đông quyết định.





**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương,

Phường Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: 0274. 2220222 – Hotline: 1800 9400

# **QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**



Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 4 năm 2026



TOTRINHONGQUACANTRESU0001





# MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b>	<b>4</b>
Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	4
Điều 2. Giải thích thuật ngữ	4
<b>CHƯƠNG II: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐHĐCĐ</b>	<b>5</b>
Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ	5
Điều 4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ	5
Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ	6
Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ	6
Điều 7. Cách thức kiểm phiếu	7
Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu	7
Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 10. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ	8
Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
<b>CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>10</b>
Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	10
Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT	11
Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT	12
Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	12
Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	13
Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT	13
<b>CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>14</b>
Điều 19. Thông báo họp HĐQT	14
Điều 20. Điều kiện triệu tập và tổ chức họp HĐQT	14
Điều 21. Cách thức biểu quyết	15
Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT	15
Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT và nội dung biên bản họp HĐQT	16
Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT	17
<b>CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN</b>	<b>17</b>
Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên	17
Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên	17
Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên	17
Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	17
Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	18
<b>CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>18</b>
Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT	18



Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban .....	18
<b>CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP.....</b>	<b>18</b>
Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp .....	18
Điều 33. Tổng giám đốc .....	19
Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác .....	20
Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp .....	20
Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....	20
Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp .....	20
<b>CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC .....</b>	<b>20</b>
Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS .....	20
Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc .....	21
Điều 40. Việc tiếp cận thông tin .....	21
Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc .....	22
Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS. ....	22
<b>CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>23</b>
Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty .....	23
Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty .....	23
Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....	23
Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....	24
Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty .....	24
<b>CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH .....</b>	<b>24</b>
Điều 48. Trách nhiệm cản trở .....	24
Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi .....	24
Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường .....	25
<b>CHƯƠNG XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY .....</b>	<b>26</b>
Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty .....	26
<b>CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC.....</b>	<b>26</b>
Điều 52. Ngày hiệu lực.....	26
<b>PHỤ LỤC:.....</b>	<b>27</b>
<b>QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY - SỐ 01 .....</b>	<b>27</b>
<b>CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG.....</b>	<b>27</b>
Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng .....	27
Điều 2. Giải thích từ ngữ .....	27
<b>CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ .....</b>	<b>28</b>
Điều 3. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử. ....	28
Điều 4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử .....	28
Điều 5. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến .....	28
Điều 6. Quy định về ủy quyền trực tuyến.....	29
Điều 7. Cách thức bỏ phiếu điện tử .....	29





Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử.....	30
Điều 9. Cách thức kiểm phiếu .....	30
Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	30
Điều 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua .....	31
Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử.....	31
Điều 13. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến .....	31
Điều 14. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng .....	32
<b>CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN KHÁC .....</b>	<b>32</b>
Điều 15. Điều khoản khác .....	32
Điều 16. Hiệu lực thi hành.....	32



49  
Y  
N  
HỆ  
HỒ  
AM  
TÌM





- 

**Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ**

- #### **Điều 4. Thông báo mời họp ĐHĐCĐ**

- 

báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c Phiếu biểu quyết;
- d Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

#### **Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ**

1. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam theo danh sách được VSDC cung cấp có quyền tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ.
2. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo thời gian và cách thức được nêu tại thư mời họp.
3. Đối với trường hợp cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến, cổ đông thực hiện việc ủy quyền tại hệ thống bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Điều 6 Phụ lục 01 của Quy chế này.
4. Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông đến tham dự đại hội phải mang theo thông báo họp, giấy tờ tùy thân (thẻ Căn cước công dân, thẻ Căn cước, Hộ chiếu) còn hiệu lực để đăng ký tham dự Đại hội.

#### **Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết trong ĐHĐCĐ**

1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu ra ban kiểm phiếu gồm những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
2. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy





quyền của cổ đông đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

3. Đối với trường hợp bỏ phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ trực tuyến, cổ đông thực hiện bỏ phiếu điện tử đối với các nội dung biểu quyết, bầu cử theo quy định tại Điều 7 Phụ lục 01 của Quy chế này.

### **Điều 7. Cách thức kiểm phiếu**

ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Cách thức kiểm phiếu điện tử tại ĐHĐCĐ trực tuyến được quy định tại Điều 9 Phụ lục 01 của Quy chế này.

### **Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.

### **Điều 9. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

### **Điều 10. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
  - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
  - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;



- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
  - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
  - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
  - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
  3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
  4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

#### **Điều 11. Công bố Nghị quyết ĐHĐCĐ**

Nghị quyết ĐHĐCĐ phải được công bố thông tin theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.

#### **Điều 12. Việc ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, bao gồm nhưng không giới hạn các vấn đề sau:
  - a. Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
  - b. Định hướng phát triển công ty;
  - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;





- d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
  - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
  - f. Tổ chức lại, giải thể công ty;
  - g. Công ty ký hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
  - h. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
  - i. Các vấn đề khác do Hội đồng quản trị quyết định.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty.
  3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
    - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
    - b. Mục đích lấy ý kiến;
    - c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
  - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
  - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
  - f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
  - g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
    - a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
    - b. Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến



thời điểm kiểm phiếu;

- c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
  - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
  - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
  - e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.

### **CHƯƠNG III: THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:





- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên tại tối đa năm (05) công ty khác;
  - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.
2. Trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác, thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
    - a. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
    - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
    - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
    - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;
    - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ.
  3. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng giám đốc (hoặc Giám đốc) của một (01) công ty đại chúng.

**Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT**

Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười phần trăm (10%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công





ty, cụ thể:

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ mười phần trăm (10%) đến dưới hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ hai mươi phần trăm (20%) đến dưới ba mươi phần trăm (30%) được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ ba mươi phần trăm (30%) đến dưới bốn mươi phần trăm (40%) được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ bốn mươi phần trăm (40%) đến dưới năm mươi phần trăm (50%) được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ năm mươi phần trăm (50%) đến dưới sáu mươi phần trăm (60%) được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ sáu mươi phần trăm (60%) đến dưới bảy mươi phần trăm (70%) được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ bảy mươi phần trăm (70%) đến dưới tám mươi phần trăm (80%) được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, và từ tám mươi phần trăm (80%) đến chín mươi phần trăm (90%) được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Cách thức bầu thành viên HĐQT**

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2, Điều 21 của Điều lệ hoặc Khoản 8, Điều 22 của Điều lệ.

#### **Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:





- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
  3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
  4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
    - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
    - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp;
    - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 17. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.

#### **Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng cử viên thành viên HĐQT**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - b. Trình độ chuyên môn;
  - c. Quá trình công tác;



- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - f. Các thông tin khác (nếu có);
2. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

## **CHƯƠNG IV: HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 19. Thông báo họp HĐQT**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, thời hạn này có thể ngắn hơn do người có thẩm quyền triệu tập quyết định trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty. Thông báo phải xác định đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
2. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

### **Điều 20. Điều kiện triệu tập và tổ chức họp HĐQT**

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
3. Đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 2 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.





Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

6. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

#### **Điều 21. Cách thức biểu quyết**

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư điện tử, phiếu biểu quyết phải được gửi dưới dạng tệp (file) pdf và gửi đến địa chỉ thư điện tử được ghi nhận trong thông báo mời họp chậm nhất là (một) 01 giờ trước khi khai mạc. Thư điện tử và tệp phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

#### **Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT**

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.



### **Điều 23. Ghi biên bản họp HĐQT và nội dung biên bản họp HĐQT**

1. Biên bản họp HĐQT phải được ghi đầy đủ, trung thực. HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản họp.
2. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian, địa điểm họp;
  - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
  - g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
4. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
5. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.
6. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.





## **Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT**

Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ công ty.

## **CHƯƠNG V: KIỂM SOÁT VIÊN**

### **Điều 25. Tiêu chuẩn Kiểm soát viên**

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

1. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
2. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

### **Điều 26. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên**

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

### **Điều 27. Cách thức bầu Kiểm soát viên**

Việc biểu quyết bầu Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu thì việc bầu thành viên Ban kiểm soát có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 của Điều lệ hoặc Khoản 8 Điều 22 của Điều lệ.

### **Điều 28. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:



- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
2. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
    - d. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
    - e. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
    - f. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
    - g. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 29. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

### **CHƯƠNG VI: CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT**

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 31. Nguyên tắc hoạt động của các tiểu ban**

Việc thực thi quyết định của HĐQT, hoặc của tiểu ban trực thuộc HĐQT, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban HĐQT phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

### **CHƯƠNG VII: NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP**

#### **Điều 32. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp**







6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

**Điều 34. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác**

Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp khác sẽ theo quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật liên quan.

**Điều 35. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp**

Công ty ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp theo quy định của Điều lệ công ty, pháp luật doanh nghiệp và pháp luật lao động.

**Điều 36. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Người điều hành doanh nghiệp bị miễn nhiệm trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ Công ty, quy định của pháp luật liên quan và hợp đồng lao động đã ký kết.

**Điều 37. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

**CHƯƠNG VIII: PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC**

**Điều 38. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và BKS**

1. Trách nhiệm của HĐQT trong mối quan hệ phối hợp với BKS:
  - a. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các thành viên BKS cùng thời gian gửi đến các thành viên HĐQT;
  - b. Các nghị quyết của HĐQT được gửi đến BKS (đồng thời với thời điểm gửi Tổng giám đốc) trong thời hạn theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - c. Khi BKS đề xuất lựa chọn Kiểm toán độc lập, HĐQT phải phản hồi ý kiến theo quy định tại Quy chế này và Điều lệ Công ty;
  - d. Các nội dung khác cần xin ý kiến của BKS phải được gửi trong thời hạn quy định và BKS có trách nhiệm phản hồi theo đúng quy định tại Quy chế này và Điều lệ công ty.
2. Trách nhiệm của BKS trong mối quan hệ phối hợp với HĐQT:
  - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHCĐ;
  - b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu Tổng giám đốc điều hành, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà thành viên BKS quan tâm;
  - c. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (được lập không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có





thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;

- d. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, BKS thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật chấm dứt vi phạm và có biện pháp khắc phục hậu quả đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
- e. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của công ty thì BKS phải gửi văn bản và tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.

#### **Điều 39. Phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc**

- 1. Đối với công tác tổ chức cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, HĐQT phải thông báo cho Tổng giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trong thời hạn hợp lý theo quy định tại Điều lệ Công ty.
- 2. Trong trường hợp cấp thiết, HĐQT có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, cán bộ điều hành khác trong công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của công ty. HĐQT không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
- 3. Các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty mà được Tổng giám đốc đề xuất phải được HĐQT phản hồi trong thời hạn theo quy định của Điều lệ Công ty.
- 4. Hội đồng quản trị quyết định khen thưởng hoặc kỷ luật đối với việc hoàn thành hoặc không hoàn thành thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng giám đốc.

#### **Điều 40. Việc tiếp cận thông tin**

- 1. Việc tiếp cận thông tin và tài liệu của Công ty, BKS có nghĩa vụ nêu lý do trong văn bản yêu cầu cung cấp và bảo mật tuyệt đối các thông tin thu thập trong quá trình giám sát hoạt động công ty. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép thực hiện khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền nhưng phải thông báo cho HĐQT trước khi cung cấp hoặc các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 2. Các thông tin và tài liệu này bao gồm:



- a. Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên HĐQT;
- b. Biên bản, Nghị quyết của HĐQT;
- c. Báo cáo của Tổng giám đốc;
- d. Thông tin, tài liệu về quản lý, báo cáo tài chính;
- e. Báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT;
- f. Tài liệu khác liên quan.

#### **Điều 41. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng giám đốc**

- 1. BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
  - a. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT và thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm;
  - b. Cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (được lập không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng giám đốc trước khi báo cáo trước ĐHĐCĐ. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường BKS có trách nhiệm báo cáo với ĐHĐCĐ gần nhất;
  - c. Trường hợp BKS phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm điều lệ công ty của Tổng giám đốc, BKS thông báo bằng văn bản với Tổng giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả, đồng thời BKS có trách nhiệm báo cáo trước ĐHĐCĐ đồng thời công bố thông tin theo quy định của pháp luật hiện hành;
  - d. Thành viên BKS có quyền yêu cầu Tổng giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
  - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu của BKS phải được gửi đến công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan;
  - f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của Tổng giám đốc: phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và Tổng giám đốc sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được nội dung đó.

#### **Điều 42. Phối hợp giữa Tổng giám đốc điều hành và HĐQT, BKS.**

- 1. Tổng giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của công ty, đảm bảo công ty





hoạt động liên tục và hiệu quả.

2. Tổng giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.
3. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, nội dung đó cần được quyết định; Tổng giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không chậm hơn bảy (07) ngày trước ngày ban hành quyết định.
4. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được nội dung đó.

## **CHƯƠNG IX: NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 43. Tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị công ty**

1. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
  - a. Có hiểu biết về pháp luật;
  - b. Không được đồng thời làm cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
  - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

### **Điều 44. Quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty**

1. Tư vấn cho HĐQT trong việc tổ chức họp ĐHĐCĐ theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
2. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS;
3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
4. Tham dự các cuộc họp;
5. Tư vấn thủ tục lập và ban hành các nghị quyết của HĐQT phù hợp với quy định của pháp luật;
6. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và Kiểm soát viên;
7. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
8. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
9. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

### **Điều 45. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Người phụ trách quản trị công



ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại.

#### **Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

#### **Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty**

Thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị công ty theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định pháp luật chứng khoán.

### **CHƯƠNG X: NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH**

#### **Điều 48. Trách nhiệm cản trở**

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

#### **Điều 49. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc





tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Tổng Giám đốc không được là người có liên quan của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ, người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ theo quy định tại điểm d khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
7. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
  - a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
  - b. Đối với giao dịch có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ ba mươi lăm phần trăm (35%) trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

#### **Điều 50. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người



này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

## **CHƯƠNG XI. SỬA ĐỔI QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

### **Điều 51. Sửa đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty**

1. Việc sửa đổi, bổ sung, thay thế Quy chế này phải được HĐQT đệ trình lên Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Trong trường hợp những quy định của Pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

## **CHƯƠNG XII: NGÀY HIỆU LỰC**

### **Điều 52. Ngày hiệu lực**

1. Quy chế này gồm mười hai (12) chương, năm mươi hai (52) điều bao gồm Phụ lục 01 đính kèm; và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 23 tháng 04 năm 2026.
2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên HĐQT mới có giá trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**





**PHỤ LỤC 01**  
**QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**QUY CHẾ HƯỚNG DẪN THAM DỰ HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
TRỰC TUYẾN VÀ THỰC HIỆN BỎ PHIẾU ĐIỆN TỬ CỦA  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

*(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được Đại hội cổ đông thông qua theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23 tháng 4 năm 2026)*

**CHƯƠNG I. NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng**

Phụ lục này quy định về việc tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của đại biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên/Đại hội đồng cổ đông bất thường của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi là “Công ty”).

**Điều 2. Giải thích từ ngữ**

- a. “**Đại biểu**” là Cổ đông, đại diện ủy quyền (người được ủy quyền).
- b. “**Đại hội đồng cổ đông trực tuyến**” là các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Đại hội đồng cổ đông bất thường được tổ chức dưới hình thức tham gia *thông qua mạng internet* để thực hiện các quyền biểu quyết/bầu cử của mình.
- c. “**Bỏ phiếu điện tử**” là việc Đại biểu kết nối internet và thực hiện biểu quyết/bầu cử thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử do Công ty quy định và thông báo.
- d. “**Hệ thống bỏ phiếu điện tử**” là hệ thống cung cấp cho đại biểu các công cụ để thực hiện các quyền liên quan khi tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến.
- e. “**Yếu tố định danh**” là những thông tin cần thiết để xác định chính xác một đối tượng trong một hoàn cảnh.
- f. “**Sự kiện bất khả kháng**” là những sự kiện xảy ra ngoài ý chí của người triệu tập đại hội không thể lường trước và khắc phục được mặc dù đã áp dụng các biện pháp cần thiết, khả năng cho phép.
- g. “**Bầu dồn đều**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà đại biểu dồn số phiếu cho 01 ứng cử viên hoặc chia đều số phiếu bầu cho nhiều ứng cử viên tương ứng. Sau khi chia đều, số Phiếu bầu tương ứng cho từng ứng viên được làm tròn xuống tính đến hàng đơn vị. Phiếu bầu lẻ còn lại (nếu có) sẽ bỏ.
- h. “**Bầu ghi số**” là cách thực hiện của phương thức Bầu dồn phiếu mà Đại biểu sẽ ghi cụ thể số phiếu bầu cho từng ứng cử viên sao cho tổng số phiếu bầu của các ứng cử viên được bầu *bằng* tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện.



## **CHƯƠNG II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

### **Điều 3. Điều kiện, cách thức Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử.**

- a. Điều kiện tham gia:
  - Có tên trong danh sách cổ đông (DSCĐ) có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
  - Đại diện ủy quyền đủ điều kiện tham dự theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.
- b. Yêu cầu kỹ thuật:
  - Đại biểu cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ: máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet...).
- c. Cách thức thực hiện:
  - Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định tại Điều 4 Phụ lục này để tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.

### **Điều 4. Cung cấp thông tin đăng nhập và thực hiện bỏ phiếu điện tử**

- a. Thông tin đường dẫn truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) nhằm tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến sẽ được cung cấp trong thông báo mời họp (hoặc hình thức thông báo thông tin đăng nhập do Hội đồng quản trị quy định). Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật tên đăng nhập, mật khẩu và các yếu tố định danh khác được cấp để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.
- b. Khi Đại biểu có yêu cầu cung cấp lại thông tin đăng nhập, Ban tổ chức Đại hội có thể thông báo thông qua các hình thức: trực tiếp hoặc email/điện thoại. Hình thức cung cấp thông tin đăng nhập qua email hoặc điện thoại chỉ được thực hiện dựa trên thông tin cổ đông từ danh sách cổ đông có quyền bỏ phiếu do Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập theo thông báo thực hiện quyền của Công ty.
- c. Đại biểu sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu truy cập hoặc các yếu tố định danh khác (nếu có) truy cập vào hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu điện tử Theo nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

### **Điều 5. Cách thức ghi nhận Đại biểu tham dự đại hội đồng cổ đông trực tuyến**

Đại biểu được hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận là tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến khi Đại biểu đó thực hiện truy cập vào hệ thống bằng các thông tin truy cập đã được cung cấp theo quy định tại Điều 4 Phụ lục này và đã thực hiện bỏ phiếu điện tử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.





## **Điều 6. Quy định về ủy quyền trực tuyến**

- a. Cổ đông là cá nhân: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu cho duy nhất một cá nhân khác thay mặt tham dự và bỏ phiếu tại đại hội.
- b. Cổ đông là tổ chức: ủy quyền toàn bộ hoặc một phần số cổ phần sở hữu tối đa cho 03 người đại diện thay mặt tham dự và bỏ phiếu đại hội.
- c. Các cổ đông cần tuân thủ cung cấp đầy đủ các thông tin để thực hiện ủy quyền, đặc biệt cung cấp thông tin của bên nhận ủy quyền: số điện thoại, địa chỉ liên lạc và địa chỉ email. Đây là cơ sở để cấp tên đăng nhập, mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác (nếu có) đối với bên nhận ủy quyền.
- d. Hiệu lực của ủy quyền: việc ủy quyền chỉ có hiệu lực pháp lý khi thỏa mãn các điều kiện sau:
  - Khi cổ đông điền đầy đủ các thông tin theo mẫu ủy quyền trực tuyến và hoàn thành thực hiện ủy quyền trực tuyến.
  - Giấy ủy quyền được in ra theo mẫu ủy quyền trực tuyến có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu là tổ chức) của bên ủy quyền và cả bên nhận ủy quyền.
  - Công ty nhận được Giấy ủy quyền bản chính gửi về trước lúc đại hội khai mạc chính thức.
- e. Hủy bỏ ủy quyền đối với cổ đông đã ủy quyền trực tuyến: cổ đông gửi văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến cho Công ty trước lúc đại hội khai mạc chính thức. Lưu ý thời gian ghi nhận việc hủy ủy quyền có hiệu lực được tính theo thời gian Công ty nhận được văn bản chính thức đề nghị hủy ủy quyền trực tuyến.
- f. Hủy bỏ ủy quyền sẽ bị vô hiệu lực nếu đại diện ủy quyền đã tiến hành bỏ phiếu biểu quyết/bầu cử với bất kỳ vấn đề nào của nội dung Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

## **Điều 7. Cách thức bỏ phiếu điện tử**

- a. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
  - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc không ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
  - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- b. Cách thức bỏ phiếu bầu cử:
  - Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu (bầu dồn đều hoặc bầu ghi số): Đại biểu thực hiện việc bầu cử bằng cách đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” hoặc ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng trên Phiếu bầu cử đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.



- Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết “Tán thành”, “Không tán thành” hoặc “Không ý kiến” với danh sách ứng viên được bầu cử. Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận bầu cử để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- c. Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
  - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
  - Trong trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
  - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
  - Trong trường hợp, Đại biểu thực hiện bầu ghi số: Phiếu bầu không hợp lệ là phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên khác với (lớn hơn hoặc nhỏ hơn) tổng số phiếu bầu của Đại biểu đại diện được tính tại thời gian kiểm phiếu bầu cử.

#### **Điều 8. Thời gian bỏ phiếu điện tử**

Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể trong quy chế làm việc tại đại hội. Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu hai mươi bốn (24) giờ trong ngày và bảy (07) ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

#### **Điều 9. Cách thức kiểm phiếu**

Khi Đại biểu thực hiện biểu quyết/bầu cử, số phiếu biểu quyết, phiếu bầu đều được ghi nhận trên hệ thống theo nguyên tắc số thẻ tán thành, số thẻ không tán thành và số thẻ không ý kiến.

Biên bản kiểm phiếu là biên bản ghi nhận kết quả kiểm phiếu của tất cả các Đại biểu tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến thông qua hệ thống bỏ phiếu điện tử.

#### **Điều 10. Thông báo kết quả kiểm phiếu**

Căn cứ biên bản kiểm phiếu ghi nhận như quy định tại Điều 9 Phụ lục này, Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.





### **Điều 11. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và hình thức thông qua**

- a. Địa điểm tổ chức được ghi trong biên bản Đại hội cổ đông trực tuyến là địa điểm Chủ tọa Đại hội có mặt để điều khiển Đại hội. Địa điểm này phải trên lãnh thổ Việt Nam.
- b. Hình thức thông qua biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định cụ thể tại Quy chế làm việc của Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng cổ đông.

### **Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Đại biểu khi tham gia bỏ phiếu điện tử**

- a. Được biểu quyết, bầu cử tất cả các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty theo hình thức bỏ phiếu điện tử.
- b. Đại biểu phải có trách nhiệm bảo mật các thông tin truy cập để đảm bảo rằng chỉ có Đại biểu mới có quyền thực hiện việc bỏ phiếu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử. Mọi kết quả giao dịch bỏ phiếu của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử sẽ được mặc nhiên coi là quyết định cuối cùng của Đại biểu. Đại biểu chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Công ty về kết quả giao dịch bỏ phiếu điện tử đã được thực hiện của Đại biểu trên hệ thống bỏ phiếu điện tử.
- c. Đại biểu phải thông báo ngay cho Công ty để kịp thời xử lý khi phát hiện tên truy cập, mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác bị mất, đánh cắp, bị lộ, hoặc nghi bị lộ bằng cách liên hệ với Công ty để thực hiện khóa tên truy cập, thiết bị bảo mật. Đại biểu phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại, tổn thất và rủi ro khác xảy ra trước thời điểm Công ty nhận được thông báo của Đại biểu nếu như nguyên nhân là do Đại biểu.

### **Điều 13. Thảo luận tại Đại hội Đồng Cổ đông trực tuyến**

- a. Nguyên tắc:
  - Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông;
  - Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
  - Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định cụ thể tại quy chế làm việc của đại hội;
  - Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung thảo luận của Đại biểu theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Chủ tọa;
- b. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
  - Trên cơ sở nội dung thảo luận của Đại biểu, Chủ tọa hoặc thành viên do Chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến của Đại biểu;
  - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời sau.



#### **Điều 14. Trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng**

- a. Trong thời gian diễn ra việc tổ chức Đại hội cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử, có thể xảy ra những sự kiện bất khả kháng (ngoài tầm kiểm soát của Công ty) tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội (không bao gồm các sự kiện bất khả kháng đối với một hay một số đại biểu tham dự) như: thiên tai, hỏa hoạn, mất điện hoặc mất kết nối đường truyền internet, sự cố kỹ thuật tại địa điểm Chủ tọa điều hành Đại hội, các yêu cầu hay chỉ thị của Chính phủ và các cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền khác....
- b. Trường hợp xảy ra các sự kiện bất khả kháng và không thể khắc phục để Đại hội có thể diễn ra tiếp tục trong thời gian sáu mươi (60) phút, Chủ tọa sẽ tuyên bố tạm dừng Đại hội, tất cả các vấn đề đã được biểu quyết thông qua trước khi tạm dừng (nếu có) sẽ bị hủy bỏ. Các vấn đề này sẽ được tiến hành biểu quyết lại trong Đại hội cổ đông được triệu tập gần nhất.

### **CHƯƠNG III. ĐIỀU KHOẢN KHÁC**

#### **Điều 15. Điều khoản khác**

Các nội dung liên quan khác không đề cập trong Phụ lục này mặc nhiên thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty và quy định pháp luật có liên quan.

#### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

- a. Phụ lục này gồm ba (03) chương, mười sáu (16) điều và có hiệu lực từ ngày ban hành.
- b. Đại biểu, các cá nhân, tổ chức, phòng ban liên quan đến Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty có trách nhiệm thực hiện theo Phụ lục này.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ PHAN MINH VŨ**







**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

**Tầng 16, Tòa nhà WTC Tower, Số 1 Đường Hùng Vương,**

**Phường Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam**

**Điện thoại: 0274. 2220222 – Hotline: 1800 9400**

# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**



**TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2026**



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị .....	2
<b>CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	2
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị .....	2
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị .....	3
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị .....	4
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .....	8
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	8
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị .....	8
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch .....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường .....	10
Điều 14. Các tiêu ban giúp việc Hội đồng quản trị .....	11
<b>CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	12
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị .....	12
Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị .....	13
<b>CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH</b> .....	14
Điều 17. Trình báo cáo hằng năm .....	14
Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị .....	15
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan .....	15
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	16
Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị .....	16
Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành .....	16
Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán .....	16
<b>CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH</b> .....	17
Điều 23. Hiệu lực thi hành .....	17





# **QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM ("CÔNG TY")**

*(Ban hành theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam số 01/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2026)*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành, thay thế tại từng thời điểm ("Luật Chứng khoán");*

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi bổ sung, hướng dẫn thi hành, thay thế tại từng thời điểm ("Luật Doanh nghiệp");*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;*

*Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán,*

### **CHƯƠNG 1. QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

#### **Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng liên đới chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật khi tán thành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

### **CHƯƠNG II. THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền



được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
  - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
  - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
  - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
  - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
  - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.
3. Từng thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

#### **Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

#### **Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị cụ thể sẽ do Đại hội đồng Cổ đông quyết định phù hợp với yêu cầu hoạt động trong từng thời kỳ.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá hai (02) nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.
4. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải đảm bảo quy định sau:





- a. Có tối thiểu một (01) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) đến năm (05) thành viên;
- b. Có tối thiểu hai (02) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ sáu (06) đến tám (08) thành viên;
- c. Có tối thiểu ba (03) thành viên không điều hành trong trường hợp công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ chín (09) đến mười một (11) thành viên.
5. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

#### **Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
  - c. Thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa năm (05) công ty khác;
  - d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp, hoặc là công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp, thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
  - e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
  - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;
  - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
  - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
  - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
  - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên



tục hai (02) nhiệm kỳ;

- f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

#### **Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
  - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
  - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
  - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
  - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
  - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký





công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

#### **Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
  - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
  - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
  - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
  - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
  - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

#### **Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ.



Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Cụ thể:

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên, và từ 80% đến 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:
  - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
  - b. Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu như trên hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành,





không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện theo Khoản 2, Điều 21 của Điều lệ hoặc Khoản 8, Điều 22 của Điều lệ.

5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu quy định tại Điều lệ công ty và quy định của pháp luật có liên quan.

#### **Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
  - d. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  - e. Trình độ chuyên môn;
  - f. Quá trình công tác;
  - g. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  - h. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
  - i. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
  - j. Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

### **CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do pháp luật, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
  - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
  - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;



- c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d. Được quyền thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành với giá trị thay đổi nhỏ hơn 50% số vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành khi được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- e. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- f. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- g. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- h. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- i. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
- j. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- k. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- n. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- o. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị, Quy chế về công bố thông tin của công ty và các quy chế khác của Công ty;





- r. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua;
  - s. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**

- 1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
  - a. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
  - b. Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
  - c. Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
- 2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**

- 1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
  - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;



- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
  - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
  - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
  - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
- a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
  - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
  - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
  - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
  - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
  - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
  - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
  - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

#### **Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.**

- 1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.





2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

## **CHƯƠNG IV. CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
  - a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
  - b. Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
  - c. Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
  - d. Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp, thời hạn này có thể ngắn hơn do người có thẩm quyền triệu tập quyết định trong trường hợp cần thiết vì lợi ích của Công ty. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp được Thư ký Công ty hoặc bộ phận được Chủ tịch Hội đồng quản trị giao thực hiện gửi đi và phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, phương thức điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thông báo mời họp được Thư ký Công ty hoặc bộ phận được Chủ tịch Hội đồng quản trị giao thực hiện gửi đi.



Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
  - a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
  - b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
  - c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
  - d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
  - e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

#### **Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị**

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể được ghi âm, ghi hình và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
  - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
  - b. Thời gian, địa điểm họp;
  - c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
  - d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
  - e. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
  - f. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc





hợp;

- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
  - h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
  - i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.
- 2. Trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
  - 3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
  - 4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
  - 5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

## **CHƯƠNG V. BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

### **Điều 17. Trình báo cáo hằng năm**

- 1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
  - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
  - b. Báo cáo tài chính;
  - c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
  - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
- 2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
- 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất một (01) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên,



kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

**Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

**Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan**

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
  - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
  - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn





góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

- Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
- Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

## **CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị**

- Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
- Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.
- Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

### **Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành**

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

### **Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán**

- Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.



## CHƯƠNG VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam bao gồm bảy (07) chương, hai mươi ba (23) điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 23 tháng 4 năm 2026.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- HĐQT, BKS, BTGD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



LÊ PHAN MINH VŨ

37-C.T.C.P.  
&  
NG  
H





**TỜ TRÌNH**

*V/v Thông qua Danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn  
làm đơn vị kiểm toán trong năm 2026.*

**Kính gửi: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG –  
Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT).**

*Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp số 76/2025/QH15 ngày 17/06/2025;*

*Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021;*

*Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 245/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2025;*

*Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam đã được sửa đổi và thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 ngày 18/04/2025;*

*Căn cứ Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát ngày 18/4/2023,*

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (“**Công ty**”) kính trình Đại hội đồng cổ đông các tiêu chí lựa chọn và danh sách các công ty kiểm toán độc lập để lựa chọn làm đơn vị kiểm toán trong năm 2026 với những nội dung chính sau:

**\*Tiêu chí lựa chọn:**

- Hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- Có kinh nghiệm kiểm toán lâu năm đối với các công ty niêm yết, công ty đại chúng;
- Được xếp hạng các công ty kiểm toán tốt có uy tín về chất lượng kiểm toán ở Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán có kỹ năng và giàu kinh nghiệm;
- Đáp ứng được các yêu cầu về phạm vi, tiến độ kiểm toán của Công ty;
- Mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với chất lượng và phạm vi kiểm toán.

**\*Danh sách các công ty kiểm toán độc lập đề xuất lựa chọn:**

Căn cứ các tiêu chí trên và để đảm bảo về chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính, Ban kiểm soát Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập sẽ được lựa chọn để thực hiện soát xét báo cáo tài chính bán niên, kiểm toán báo cáo tài chính năm và phê duyệt danh sách công ty kiểm toán hoạt động (nếu cần) của Công ty trong năm 2026 và giao Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán theo danh sách dưới đây:

1. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;
2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC;
3. Công ty TNHH KPMG Việt Nam;
4. Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam;
5. Công ty TNHH PwC Việt Nam;
6. Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.

Giao Tổng giám đốc Công ty ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán với đơn vị kiểm toán trên.

Trân trọng kính trình.

**TM. BAN KIỂM SOÁT  
TRƯỞNG BAN**



**NGUYỄN HẢI HOÀNG**